



SỞ GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN HÀ NỘI CHẤP THUẬN ĐĂNG KÝ GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN CHỈ CÓ NGHĨA LÀ VIỆC ĐĂNG KÝ GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN ĐÃ THỰC HIỆN THEO CÁC QUY ĐỊNH CỦA PHÁP LUẬT LIÊN QUAN MÀ KHÔNG HÀM Ý ĐẢM BẢO GIÁ TRỊ CỦA CHỨNG KHOÁN. MỌI TUYÊN BỐ TRÁI VỚI ĐIỀU NÀY LÀ BẤT HỢP PHÁP

BẢN CÔNG BỐ THÔNG TIN



CÔNG TY CỔ PHẦN CHẾ BIẾN & XUẤT NHẬP KHẨU THỦY SẢN CADOVIMEX

*(Giấy Chứng nhận đăng ký kinh doanh số 2000102580 do Sở Kế Hoạch Đầu Tư tỉnh
Cà Mau cấp ngày 01/02/2005, đăng ký thay đổi lần 12 ngày 18/07/2012)*

ĐĂNG KÝ GIAO DỊCH CỔ PHIẾU TRÊN SỞ GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN HÀ NỘI

Bản công bố thông tin này và tài liệu bổ sung sẽ được cung cấp tại:

❖ **Trụ sở Công ty Cổ phần Chế biến & Xuất nhập khẩu Thủy sản Cadovimex**

Khóm 2, Thị trấn Cái Đôi Vàm, Huyện Phú Tân, Tỉnh Cà Mau

Điện thoại : 0780.3889050

Fax : 0780.3889067

❖ **Chi nhánh Cadovimex tại TP.HCM :**

Số 237 Tô Hiến Thành, Phường 13, Quận 10, TP. HCM.

Điện thoại : 08.38629686

Fax : 08.38629371

Phụ trách công bố thông tin

Họ tên: Ông Trần Hoàng Giang – Tổng Giám đốc

Địa chỉ: Phường 5, Tp. Cà Mau, tỉnh Cà Mau

Điện thoại: 0780.3889050

Fax:0780.3889067



CÔNG TY CỔ PHẦN CHẾ BIẾN & XUẤT NHẬP KHẨU THỦY SẢN CADOVIMEX

(Giấy Chứng nhận đăng ký kinh doanh số 2000102580 do Sở Kế Hoạch Đầu Tư tỉnh Cà
Mau cấp ngày 01/02/2005, đăng ký thay đổi lần 12 ngày 18/07/2012)

ĐĂNG KÝ GIAO DỊCH CỔ PHIẾU TRÊN SỞ GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN HÀ NỘI

Tên cổ phiếu: Công ty cổ phần Chế biến & Xuất nhập khẩu Thủy sản Cadovimex
Loại cổ phiếu : Cổ phiếu phổ thông
Mệnh giá : 10.000 đồng
Tổng số lượng chứng khoán đăng ký giao dịch : 8.799.927 cổ phần
Tổng giá trị chứng khoán đăng ký giao dịch (theo mệnh giá): 87.999.270.000 đồng

TỔ CHỨC KIỂM TOÁN:

Công ty Kiểm Toán và Dịch vụ Tin học (AISC)

Địa chỉ: 142 Nguyễn Thị Minh Khai, Quận 1, Tp. Hồ Chí Minh

Điện thoại: (84.8) 3930.51.63 Fax: (84.8) 3930.42.81

TỔ CHỨC CAM KẾT HỖ TRỢ:

Công ty cổ phần chứng khoán Navibank

Trụ sở: Tầng 6 tháp A, tòa nhà Handi Resco 521 Kim Mã, Ba Đình, Hà Nội

Chi nhánh: 16 Trương Định, Quận 3, Tp.HCM

Điện thoại: (84.8) 3930 1409

Fax: (84.8) 39302201

MỤC LỤC

I.	CÁC NHÂN TỐ RỦI RO	5
1.	Rủi ro về kinh tế	5
2.	Rủi ro về pháp luật	5
3.	Rủi ro về thị trường	5
4.	Rủi ro ngành nghề	6
5.	Rủi ro khác	6
II.	NHỮNG NGƯỜI CHỊU TRÁCH NHIỆM CHÍNH ĐỐI VỚI NỘI DUNG BẢN CÔNG BỐ THÔNG TIN	7
1.	Tổ chức đăng ký giao dịch:	7
III.	CÁC KHÁI NIỆM.....	7
IV.	TÌNH HÌNH VÀ ĐẶC ĐIỂM CỦA TỔ CHỨC ĐĂNG KÝ GIAO DỊCH	9
1.	Tóm tắt quá trình hình thành và phát triển.....	9
2.	Cơ cấu tổ chức của Công ty	12
3.	Cơ cấu bộ máy quản lý của Công ty.....	13
4.	Danh sách cổ đông nắm giữ từ trên 5% vốn cổ phần của công ty, cổ đông sáng lập và cơ cấu cổ đông.....	14
5.	Danh sách những công ty mẹ và công ty con của tổ chức đăng ký giao dịch:	16
6.	Hoạt động kinh doanh.....	16
6.1	Sản phẩm dịch vụ chính:.....	16
6.2	Kế hoạch phát triển kinh doanh:	24
7.	Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.....	26
8.	Vị thế của công ty so với các doanh nghiệp khác trong cùng ngành	27
9.	Chính sách đối với người lao động.....	32
10.	Chính sách cổ tức	33
11.	Tình hình hoạt động tài chính	34
12.	Lý lịch trích ngang của Hội đồng quản trị, Ban Giám đốc, Ban kiểm soát, Kế toán trưởng.....	37
13.	Tài sản chủ yếu.....	50
14.	Kế hoạch sản xuất kinh doanh, lợi nhuận và cổ tức trong năm tiếp theo	52
15.	Thông tin về những cam kết nhưng chưa thực hiện của tổ chức đăng ký giao dịch.....	54
16.	Các thông tin, các tranh chấp kiện tụng liên quan tới Công ty mà có thể ảnh hưởng đến giá cả chứng khoán giao dịch: không.....	54



V.	CHỨNG KHOÁN ĐĂNG KÝ GIAO DỊCH.....	55
1.	Loại chứng khoán: Cổ phiếu phổ thông.....	55
2.	Mệnh giá cổ phần: 10.000 đồng/cổ phần.....	55
3.	Tổng số chứng khoán đăng ký giao dịch:	55
4.	Phương pháp tính giá:	55
6.	Các loại thuế liên quan	56
	PHỤ LỤC	59

I. CÁC NHÂN TỐ RỦI RO

1. Rủi ro về kinh tế

Việt Nam chính thức trở thành thành viên của tổ chức Thương Mại Thế Giới WTO năm 2007 đã đưa đến những cơ hội làm ăn mới nhưng đồng thời cũng tạo ra những thách thức đối với các doanh nghiệp trong nước do phải chịu sự cạnh tranh của các sản phẩm, hàng hóa nước ngoài. Người tiêu dùng giờ đây có nhiều khả năng lựa chọn hơn vì vậy đã ảnh hưởng đến khả năng tiêu thụ sản phẩm của các doanh nghiệp, đặc biệt là đối với ngành công nghiệp chế biến thực phẩm vì bất cứ sự thay đổi nào về sự lựa chọn và hành vi của người tiêu dùng đều gây khó khăn cho hoạt động của các doanh nghiệp.

Năm 2011, sản lượng thủy sản cả nước đạt 5.432,90 nghìn tấn, tăng 5,6% so với năm 2010. Trong đó sản lượng cá đạt 4.050,50 nghìn tấn, tăng 5,6%; tôm 632,90 nghìn tấn, tăng 6,8%. Tổng xuất khẩu thủy sản đạt 6,11 tỷ USD, tăng 21% so năm 2010, đến các thị trường chủ yếu là EU, Mỹ, Nhật.

Trong 03 tháng đầu năm 2012, sản lượng thủy sản cả nước đạt 1.134,40 nghìn tấn, tăng 3,0% so với cùng kỳ năm 2011. Xuất khẩu thủy sản tăng 9% so với cùng kỳ, đạt 1,2 tỷ USD. Đây là những chuyển biến khá tích cực của nền kinh tế nói chung và ngành thủy sản nói riêng.

2. Rủi ro về pháp luật

Hệ thống pháp luật của Việt Nam chưa thật hoàn chỉnh và còn nhiều quy định chồng chéo, chưa thật sự tạo ra được môi trường đầu tư ổn định cho các doanh nghiệp. Bên cạnh đó, sự khác biệt giữa luật Việt Nam và luật nước ngoài cũng là một nhân tố rủi ro đối với các doanh nghiệp xuất khẩu. Luật pháp của các nước nhập khẩu thủy sản ngày càng thể hiện chính sách bảo hộ mậu dịch hoặc đưa ra các tiêu chuẩn mới về an toàn vệ sinh thực phẩm, các rào cản kỹ thuật thường gây tác động đến việc sản xuất và xuất khẩu.

3. Rủi ro về thị trường

Thị trường xuất khẩu truyền thống của Công ty là Mỹ, EU, Nhật Bản, Úc, Hàn Quốc và Hồng Kông là những thị trường khó tính và có nhiều biến động. Những quy định về chất lượng ngày càng cao của sản phẩm nhập khẩu vào EU, Mỹ, các rào cản về thuế,... là những nhân tố có thể làm thu hẹp thị trường xuất khẩu, ảnh hưởng tới doanh thu và lợi nhuận của Công ty. Việc Mỹ và các nước EU áp dụng “mức thuế chống bán phá giá” đối với các sản phẩm thủy hải sản xuất khẩu của Việt Nam thật sự là một trở ngại lớn mà Công ty cần phải vượt qua.

4. Rủi ro ngành nghề

Rủi ro về nguyên vật liệu :

Khả năng khai thác thủy sản phụ thuộc rất nhiều vào điều kiện thời tiết tự nhiên. Nguồn nước bị ô nhiễm, môi trường sinh thái biến động, con giống bị nhiễm bệnh,... là những nhân tố ảnh hưởng rất lớn đến hoạt động thu mua nguyên liệu của Công ty. Ngoài ra việc cạnh tranh thu mua nguyên liệu giữa các đơn vị trong ngành đã ảnh hưởng đến giá cả nguyên liệu và tình hình ổn định sản xuất của Công ty. Hiện nay hầu hết các đơn vị chế biến thủy hải sản đều chưa có vùng nuôi riêng. Vì vậy chưa có khả năng kiểm soát chất lượng cũng như số lượng của nguồn nguyên liệu dẫn đến tình trạng không ổn định được nguồn cung ứng nguyên liệu: vào mùa vụ thì thừa, mùa trái vụ thì thiếu .

Rủi ro về nguồn nhân lực: Ngành thủy sản là một ngành cần nguồn nhân lực lớn vì vậy sự biến động về nguồn cung ứng lao động luôn là một nguy cơ đối với Công ty.

5. Rủi ro khác

Một số rủi ro mang tính bất khả kháng như: bão lụt, dịch bệnh, hỏa hoạn,... tuy ít và khó khả năng xảy ra nhưng nếu có sẽ có tác động lớn đến tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty.

II. NHỮNG NGƯỜI CHỊU TRÁCH NHIỆM CHÍNH ĐỐI VỚI NỘI DUNG BẢN CÔNG BỐ THÔNG TIN

1. Tổ chức đăng ký giao dịch:

Ông Ngô Văn Phăng	Chức vụ: Chủ tịch HĐQT
Ông Trần Hoàng Giang	Chức vụ: Tổng giám đốc
Ông Đỗ Văn Cải	Chức vụ: Trưởng Ban kiểm soát
Ông Dương Ngọc Thới	Chức vụ: Kế toán trưởng

Chúng tôi đảm bảo rằng các thông tin và số liệu trong Bản công bố thông tin này là phù hợp với thực tế mà chúng tôi được biết, hoặc đã điều tra, thu thập một cách hợp lý.

III. CÁC KHÁI NIỆM

- UBCKNN: Ủy ban Chứng khoán Nhà nước
- SGDCK HN: Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội
- Công ty: Công ty Cổ phần Chế biến & Xuất nhập khẩu Thủy sản Cadovimex
- CADOVIMEX: Tên viết tắt Công ty Cổ phần Chế biến & Xuất nhập khẩu Thủy sản Cadovimex
- CAD: Tên viết tắt cổ phiếu Cadovimex
- HĐQT: Hội đồng Quản trị
- BKS: Ban Kiểm soát
- ĐHĐCĐ: Đại hội đồng cổ đông
- HOSO: Tôm sú nguyên con
- HLSO: Tôm sú, tôm thẻ, tôm chì, bỏ đầu
- Raw PD: Tôm sú bỏ đầu, lột hết vỏ, xẻ lưng 3-4 đốt từ đốt thứ 2 đến hết đốt thứ 4 hoặc thứ 5
- Raw PTO: Tôm sú bỏ đầu, lột vỏ 5 đốt từ đốt đầu đến đốt thứ 5, để lại đốt đuôi, xẻ lưng 3-4 đốt từ đốt thứ 2 đến hết đốt thứ 4 hoặc thứ 5
- Cooked PD: Tôm sú bỏ đầu, lột hết vỏ, xẻ lưng 3-4 đốt từ đốt thứ 2 đến hết đốt thứ 4 hoặc thứ 5, hấp chín
- Cooked PTO: Tôm sú bỏ đầu, lột vỏ 5 đốt từ đốt đầu đến đốt thứ 5, để lại đốt đuôi, xẻ lưng 3-4 đốt từ đốt thứ 2 đến hết đốt thứ 4 hoặc thứ 5, hấp chín
- Ezpeel: Tôm sú, tôm chì bỏ đầu, cắt vỏ 5 đốt từ đốt đầu tiên đến hết đốt thứ 5, cắt dọc sống lưng.
- PUD: Tôm thẻ, tôm chì lột đầu bỏ vỏ
- PD: Tôm thẻ, tôm chì lột đầu bỏ vỏ, rút tim
- VASEP: Hiệp hội Chế biến và Xuất khẩu Thủy sản Việt Nam



- SSOP: Sanitation Standard Operating Procedure - Quy phạm vệ sinh quy định quy trình và các thủ tục kiểm soát vệ sinh tại nhà máy
- GMP: Good Manufacturing Practices - Quy phạm sản xuất quy định các biện pháp, thao tác thực hành cần tuân thủ đảm bảo sản xuất ra những sản phẩm đạt yêu cầu về chất lượng
- ISO 9001:2000 – 14001:2004: International Organization for Standardization
- BRC: British Retail Consortium – Hiệp hội bán lẻ Anh Quốc
- IFS: International Food Standards – Tổ chức Tiêu chuẩn Thực phẩm Quốc tế
- US HACCP: US Hazard Analysis and Critical Control Point – Bộ Quy tắc Đánh giá và Kiểm soát điểm tới hạn của Hoa Kỳ
- ACC: Aquaculture Certification Council - Ủy ban Chứng nhận Thủy sản
- SQF 2000: Safe Quality Foods 2000 – Bộ quy tắc Thực phẩm Chất lượng An toàn 2000
- SA 8000: Social Accountability 8000 – Bộ Quy tắc An toàn Xã hội 8000
- HALAL: Foods Certified as Muslim – Approved – Chứng nhận Thực phẩm phù hợp với Hồi Giáo

IV. TÌNH HÌNH VÀ ĐẶC ĐIỂM CỦA TỔ CHỨC ĐĂNG KÝ GIAO DỊCH

1. Tóm tắt quá trình hình thành và phát triển

1.1. Giới thiệu Công ty

- Tên gọi Công ty: Công ty Cổ phần Chế biến và Xuất nhập khẩu Thủy sản CADOVIMEX
- Tên giao dịch đối ngoại : CADOVIMEX SEAFOOD IMPORT-EXPORT AND PROCESSING JOINT STOCK COMPANY
- Tên viết tắt : CADOVIMEX-VIETNAM
- Địa chỉ : Khóm 2, thị trấn Cái Đôi Vàm, huyện Phú Tân, tỉnh Cà Mau
- Điện thoại : (0780) 3889050 Fax : (0780) 3889067
- Email : Cadovimex@cdv.vnn.vn
- Website : <http://www.cadovimex.com>
- Nhân mác sản phẩm : CADOVIMEX, DRAGON
- Mã số thuế: 2000102580
- Vốn điều lệ đăng ký: **207.999.270.000** đồng
- Vốn điều lệ thực góp: **207.999.270.000** đồng
- Giấy Chứng nhận đăng ký kinh doanh số 2000102580 do Sở Kế Hoạch Đầu Tư tỉnh Cà Mau cấp ngày 01/02/2005, đăng ký thay đổi lần 12 ngày 18/07/2012
- Ngành nghề kinh doanh chủ yếu:
 - Chế biến và kinh doanh xuất nhập khẩu trực tiếp các mặt hàng nông lâm thủy sản;
 - Nhập khẩu vật tư, nguyên vật liệu, hàng hoá tiêu dùng trang thiết bị máy móc phục vụ cho sản xuất và đời sống;
 - Nhận thực hiện các dịch vụ thương mại: Nông lâm thủy sản và xuất nhập khẩu trong và ngoài nước;
 - Đầu tư nuôi trồng, khai thác thủy sản;
 - Kinh doanh xăng, dầu, nhớt;
 - Dịch vụ vận tải hàng hóa.

1.2. Quá trình hình thành và phát triển

- Công ty Cổ phần Chế biến và Xuất nhập khẩu Thủy sản CADOVIMEX tiền thân là Công ty Liên hiệp Thủy sản Cái Nước.
- Năm 1985 chuyển đổi thành Xí nghiệp Chế biến Thủy sản Cái Đôi Vàm.
- Ngày 28/03/1997 Xí nghiệp Chế biến Thủy sản Cái Đôi Vàm chuyển thành Công ty Kinh doanh Xuất Nhập Khẩu Thủy sản Cái Đôi Vàm (CADOVIMEX) với số vốn là 11.471.000.000 đ.

- Theo quyết định số 874/QĐ-CTUB ngày 30/11/2004 của UBND tỉnh Cà Mau, Ban Giám đốc Công ty đã mạnh dạn lập phương án cổ phần hoá 100% và chính thức hoạt động theo giấy chứng nhận ĐKKD số 6103000045 ngày 01/02/2005 của Sở Kế Hoạch Đầu Tư tỉnh Cà Mau.
- Ngày 05/01/2009, cổ phiếu CAD được chính thức giao dịch trên Sở giao dịch chứng khoán TP.HCM.
- Ngày 04/05/2012, Công ty nhận quyết định hủy niêm yết cổ phiếu CAD của Sở giao dịch chứng khoán TP.HCM do lợi nhuận sau thuế của Công ty âm 03 năm liên tiếp.
- Ngày 04/06/2012, cổ phiếu CAD chính thức hủy niêm yết trên Sở giao dịch chứng khoán TP.HCM
- Ngày 05/06/2012, Công ty nhận thông báo của Trung tâm lưu ký chứng khoán Việt Nam về việc chốt danh sách đăng ký, lưu ký, bù trừ và thanh toán để chuyển sàn giao dịch từ HSX sang sàn UPCoM.
- Ngày 29/6/2012 Công ty đã hoàn tất đợt phát hành riêng lẻ tăng vốn từ 87.999.270.000 đồng lên **207.999.270.000** đồng.
- Ngày 18/07/2012, Sở KH&ĐT Tỉnh Cà Mau đã cấp giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh thay đổi lần thứ 12 với số vốn mới là **207.999.270.000** đồng.

1.3. Những thành tựu đã đạt được

Công ty đạt được các khen thưởng sau:

- Năm 1997 – 2000, đạt danh hiệu Doanh nghiệp làm ăn có hiệu quả Đồng bằng Sông Cửu Long, tại Hội chợ triển lãm EXPO trao tặng
- Năm 1995-1997 Thủ Tướng Chính Phủ tặng Bằng khen
- Năm 1996, 1997, 1999, 2002 Bộ Thủy Sản tặng cờ thi đua xuất sắc
- Năm 1999 nhận Bằng khen về thành tích phong trào văn hóa văn nghệ do Bộ Văn Hóa Thông Tin tặng
- Năm 2001, đạt Huân chương lao động hạng nhất do Chủ tịch nước trao tặng
- Năm 2003, 2006, đạt giải thưởng “Sao vàng Đất Việt” do Ủy ban Trung ương Hội Liên Hiệp Thanh Niên Việt Nam trao tặng
- Năm 2003 đạt giải thưởng “ Mai Vàng Hội Nhập”
- Năm 2005, đạt danh hiệu “Doanh nghiệp uy tín chất lượng” do Ban tổ chức mạng doanh nghiệp Việt nam trao tặng
- Năm 2006, đạt giải cúp vàng thương hiệu Việt “Uy tín chất lượng” do mạng Thương hiệu trao tặng.

- Năm 2001 đến 2005 nhận Bằng khen về thành tích xuất khẩu do Bộ Thương Mại trao tặng

1.4. Quá trình tăng vốn

Lần 1: (Năm 2006) Tăng vốn Điều lệ từ 25.000.000.000 đồng lên 37.500.000.000 đồng

Lần 2: (Năm 2007) Tăng vốn Điều lệ từ 37.500.000.000 đồng lên 50.000.000.000 đồng

Lần 3: (Năm 2007) Tăng vốn Điều lệ từ 50.000.000.000 đồng lên 62.922.000.000 đồng.

Lần 4: (Năm 2008) Tăng vốn Điều lệ từ 62.922.000.000 đồng lên 80.000.000.000 đồng.

Lần 5: (Năm 2011) Tăng vốn Điều lệ từ 80.000.000.000 đồng lên 87.999.270.000 đồng.

Cơ sở pháp lý của các lần tăng vốn trên được UBCKNN, Sở GD&ĐT Thành phố HCM xem xét khi Công ty nộp hồ sơ đăng ký niêm yết và trong quá trình cổ phiếu CAD niêm yết trên HSX.

Lần 6: (Tháng 7/2012) Tăng vốn điều lệ từ 87.999.270.000 đồng lên **207.999.270.000** đồng

- **Hình thức phát hành:** Phát hành riêng lẻ cho đối tác chiến lược;

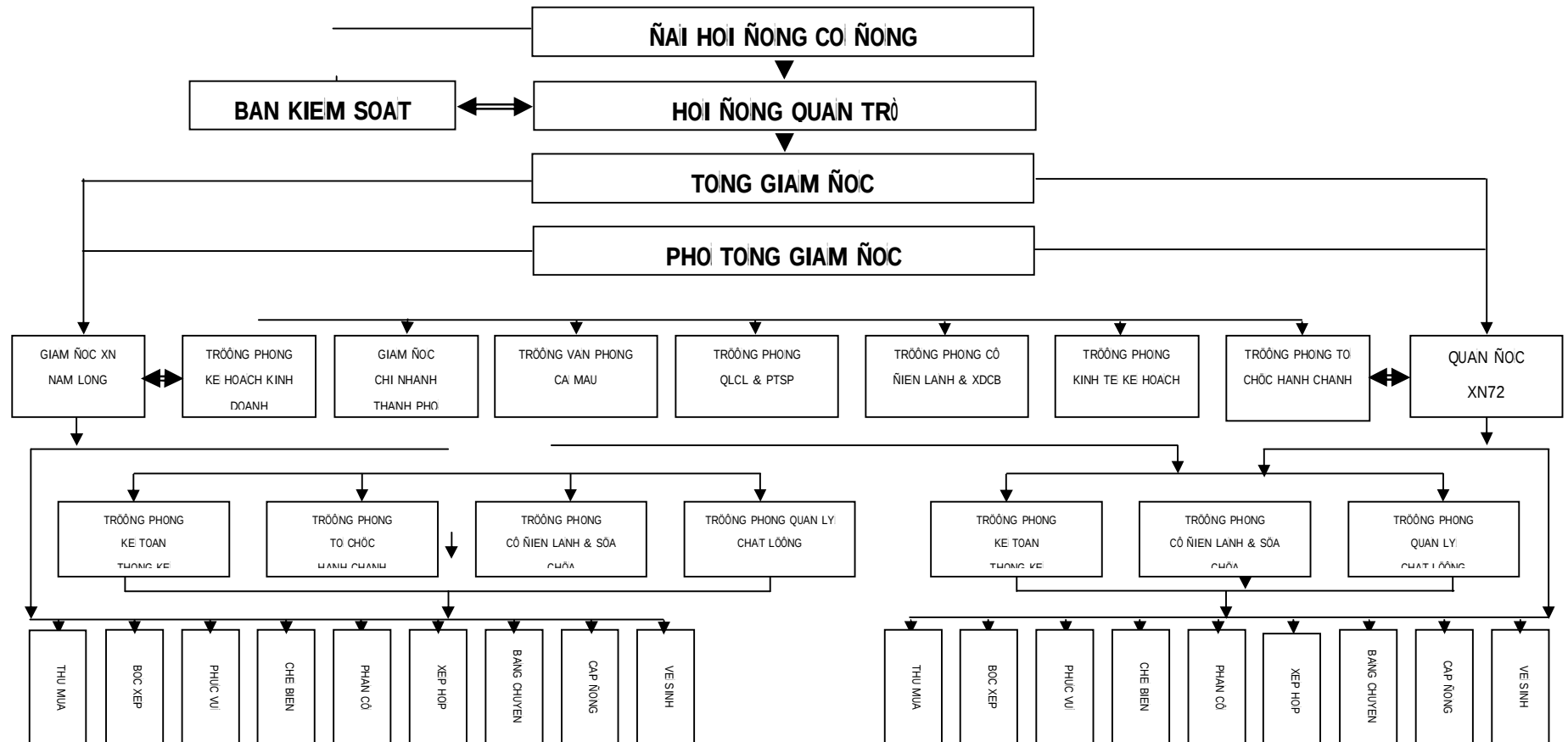
- **Ngày 03/08/2011**, UBCKNN công bố thông tin về việc nhận đầy đủ hồ sơ về đợt phát hành của Công ty;

- Ngày 05/07/2012, Công ty báo cáo kết quả phát hành gửi UBCKNN.

- Hạn chế chuyển nhượng: 1 năm kể từ ngày hoàn thành đợt chào bán (từ ngày 26/06/2012 – 29/06/2013)

2. Cơ cấu tổ chức của Công ty

2.1 Sơ đồ cơ cấu tổ chức và bộ máy quản lý của Công ty



2.2. Các đơn vị trực thuộc

- Chi nhánh tại TP. Hồ Chí Minh
Địa chỉ: 237 đường Tô Hiến Thành, P. 13, Q. 10, TP.HCM.
- Văn phòng tại TP. Cà Mau
Địa chỉ: 37 Phan Bội Châu, P.7, TP. Cà Mau, tỉnh Cà Mau
- Xí nghiệp 72
Địa chỉ: Khóm 2, thị trấn Cái Đôi Vàm, huyện Phú Tân, tỉnh Cà Mau
Ngành nghề kinh doanh: Chế biến hàng thủy sản xuất khẩu
- Xí nghiệp Phú Tân
Địa chỉ: Khóm 2, thị trấn Cái Đôi Vàm, huyện Phú Tân, tỉnh Cà Mau
Ngành nghề kinh doanh: Chế biến hàng thủy sản xuất khẩu
- Xí nghiệp Chế biến Thủy sản Xuất khẩu Nam Long
Địa chỉ: Ấp Đầm Cùng, huyện Cái Nước, tỉnh Cà Mau
Ngành nghề kinh doanh: Chế biến hàng thủy sản xuất khẩu

3. Cơ cấu bộ máy quản lý của Công ty

Đại Hội đồng cổ đông: là tổ chức quyền lực có thẩm quyền cao nhất của Công ty theo Luật doanh nghiệp và Điều lệ tổ chức hoạt động của Công ty.

Hội đồng Quản trị: Số thành viên của HĐQT gồm 07 thành viên. Hội đồng Quản trị Công ty là cơ quan quản lý Công ty, có toàn quyền nhân danh Công ty để quyết định mọi vấn đề liên quan đến mục đích, quyền lợi và hoạt động của Công ty trừ những vấn đề thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng Cổ đông mà không được ủy quyền. Hội đồng Quản trị có trách nhiệm xây dựng các kế hoạch kinh doanh, đưa ra các biện pháp, các quyết định nhằm đạt được các mục tiêu do Đại hội đồng cổ đông đề ra.

Ban Kiểm soát: Số thành viên của Ban kiểm soát gồm 03 thành viên. Ban kiểm soát có nhiệm vụ kiểm tra tính hợp lý và hợp pháp trong điều hành hoạt động kinh doanh, hoạt động tài chính và kiểm tra nội bộ của Công ty.

Ban Tổng Giám đốc: Ban tổng giám đốc do HĐQT bổ nhiệm và bãi nhiệm, gồm 04 thành viên là Tổng Giám đốc và các Phó tổng Giám đốc.

Tổng Giám đốc là người có trách nhiệm quản lý và điều hành mọi hoạt động của Công ty theo đúng pháp luật Nhà nước, các quy định của ngành, điều lệ, quy chế, quy định của Công ty, song song đó là người tham mưu cho Hội đồng quản trị về mặt hoạch định các mục tiêu, chính sách.

Các Phó tổng giám đốc là người giúp việc cho Tổng giám đốc thường trực tại Công ty.

Các phòng ban chức năng

- Phòng Tổ Chức Hành Chính
- Phòng Kinh Tế - Kế Hoạch
- Phòng Kinh Doanh
- Phòng Quản Lý Chất Lượng và Phát triển sản phẩm
- Phòng Cơ Điện Lạnh & Xây Dựng Cơ Bản

4. Danh sách cổ đông nắm giữ từ trên 5% vốn cổ phần của công ty, cổ đông sáng lập và cơ cấu cổ đông**Bảng 2: Danh sách cổ đông nắm giữ từ trên 5% vốn cổ phần của Công ty tại thời điểm 31/08/2012**

TT	Tên cổ đông	Số CMND (Hộ chiếu)	Địa chỉ	Số cổ phần	Tỷ lệ (%)
1	Huỳnh Koc Hải	E1011830	57 Hoddlo st, Richmond, Vic 3121 Australia	1.535.917	7,38
2.	Huỳnh Phụng Kiều	381244759	Xã Lương Thế Trân, huyện Cái Nước, tỉnh Cà Mau	10.000.000	48,08

*Nguồn: Danh sách cổ đông ngày 31/08/2012 do VSD cung cấp***Bảng 3: Danh sách cổ đông sáng lập và tỷ lệ nắm giữ**

TT	Họ và tên	Số CMND	Địa chỉ	Cổ phần sở hữu	Tỷ lệ %
1	Huỳnh Koc Hải	E1011830	57 Hoddlo st, Richmond, Vic 3121 Australia	1.535.917	7,38
2	Trần Ngọc Tươi	022556409	2Y, đường Hưng Phú, phường 9, Quận 8, Tp.HCM	209.679	1,01
3	Huỳnh Văn Long	020481836	144 Nguyễn Văn Cừ, phường Nguyễn Cư Trinh, Q1, Tp.HCM	311.360	1,5



4	Nguyễn Quốc Tuấn	L3721401	26 Elmsford Court, Keysborough, Vic 3173, Australia	104.500	0,5
5	Trần Minh Hoàng	361228786	Khóm 1, thị trấn Cái Đôi Vàm, huyện Phú Tân, tỉnh Cà Mau	22.687	0,11
6	Tăng Gia Phong	380845177	Khóm 2, thị trấn Cái Đôi Vàm, huyện Phú Tân, tỉnh Cà Mau	100.705	0,48
	Tổng:			2.284.848	

Nguồn: Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh số 2000102580 do Sở Kế Hoạch Đầu Tư tỉnh Cà Mau cấp lần đầu ngày 01/02/2005, đăng ký thay đổi lần 12 ngày 18/07/2012

Theo quy định của Luật doanh nghiệp, tính đến thời điểm hiện nay, cổ phiếu phổ thông của cổ đông sáng lập đã hết thời gian bị hạn chế chuyển nhượng.

Bảng 4: Cơ cấu cổ đông của công ty tại thời điểm 31/08/2012

Cơ cấu	Số lượng cổ đông	Số cổ phần	Tỷ lệ (%)
Cổ đông trong nước			
Cá nhân	1.989	19.104.185	91,85%
Tổ chức	26	42.796	0,20%
Cổ đông nước ngoài			
Cá nhân	14	1.652.946	7,95%
Tổ chức	0	0	
Tổng	2.029	20.799.927	100%

Nguồn: Danh sách cổ đông ngày 31/08/2012 do VSD cung cấp

5. Danh sách những công ty mẹ và công ty con của tổ chức đăng ký giao dịch: Không có

6. Hoạt động kinh doanh

6.1 Sản phẩm dịch vụ chính:

Sản phẩm chính của công ty là Tôm, Mực, Cá. Trong đó Tôm và Mực mang lại doanh thu chủ yếu cho công ty, cụ thể như sau:

a. Tôm đông lạnh

- Tôm đông lạnh là sản phẩm chính của Công ty chiếm 86% sản lượng chế biến năm 2009 các dạng thành phẩm của tôm đông lạnh là : HOSO, HLSO, R.PTO, R.PD, C.PDTO, CPD...vv
- Sản phẩm tôm đông lạnh chia thành nhiều kích cỡ và cách đóng gói, thông thường phân ra các kích cỡ sau: 4 - 6; 6 - 8; 8 - 12; 13- 15; 16 - 20; 21 - 25; 26 - 30; 31 - 40; (số thân tôm/pound).
- Đóng gói: sản phẩm tôm đông lạnh được đóng gói dưới hai dạng chính đông rời (IQF) và đông khối (block), 2kg/block.
- Đông rời: tôm đông rời từng con cho vào túi nhựa PE hoặc PA hàn kín miệng, đóng gói 5 hay 10 gói trong 1 thùng carton và đóng đai nẹp 2 ngang 2 dọc. Tùy theo nhu cầu của khách hàng mà đóng gói các bao có trọng lượng khác nhau, thường có hai dạng 907gr và 1000gr thành phẩm/bao
- Đông khối: cho mỗi khối 1800 gr, 1814 gr hoặc 2000 gr thành phẩm, túi nhựa PE hàn kín miệng hoặc không hàn tùy theo yêu cầu của khách hàng, xếp 6 khối cùng cỡ cùng loại vào thùng carton và đóng đai nẹp 2 ngang 2 dọc.

Ngoài ra, tùy theo yêu cầu của khách hàng, sản phẩm được đóng gói theo nhiều dạng khác nhau như 1,6kg/bao, 500gr/bao, 10kg/thùng, v.v...

Bao bì sử dụng giấy carton, in nhãn hiệu phù hợp với tiêu chuẩn Việt Nam (TCVN) về quy định về nhãn hiệu hàng hóa xuất khẩu và yêu cầu của nước nhập khẩu và yêu cầu khách hàng.

Giá bán trung bình 1kg thành phẩm PTO 22USD/kg, PD 18USD/kg; HLSO 12USD/kg; HOSO 10USD/kg.

b. Mực đông lạnh

- Mục đông lạnh của Công ty chiếm 14% sản lượng chế biến năm 2009 các dạng thành phẩm của mục đông lạnh tôm lạnh là : Mục đông nguyên con, mục cắt khúc, mục xuyên que.
- Sản phẩm mục đông lạnh chia thành nhiều kích cỡ và cách đóng gói, thông thường phân ra các kích cỡ sau: Mục ống U-5, 5-10, 10-20, 20-40, 40-60, 60-80, 80-up (số con/kg); mục nang 10-20, 20-40, 40-60, 60-up (số con/kg); mục tua 5-15, 16-25, 26-40, 40-60, 60-up (số con/kg)
- Đóng gói: sản phẩm mục đông lạnh được đóng gói dưới hai dạng chính đông rời (IQF) và đông khối (block).
- Đông rời: mục đông rời từng con cho vào túi nhựa PE hoặc PA hàn kín miệng, đóng 10 gói trong 1 thùng carton và đóng đai nẹp 2 ngang 2 dọc. Tùy theo nhu cầu của khách hàng mà đóng gói các bao có trọng lượng khác nhau, thường có hai dạng 1.000gr thành phẩm/bao
- Đông khối: cho mỗi khối 2000 gr thành phẩm, túi nhựa PE hàn kín miệng hoặc không hàn tùy theo yêu cầu của khách hàng, xếp 6 khối cùng cỡ cùng loại vào thùng carton và đóng đai nẹp 2 ngang 2 dọc.

Ngoài ra, tùy theo yêu cầu của khách hàng, sản phẩm được đóng gói theo nhiều dạng khác nhau như 1,6kg/bao, 500gr/bao ...

Bao bì sử dụng giấy carton, in nhãn hiệu phù hợp với tiêu chuẩn Việt Nam (TCVN) về quy định về nhãn hiệu hàng hóa xuất khẩu và yêu cầu của nước nhập khẩu và yêu cầu khách hàng.

c) Sản phẩm Cá: Thịt cá Basa, cá Basa cắt khoanh, cá Basa tẩm bột chiên, cá Basa filet

d) Sản phẩm khác: Ghẹ xanh, ghẹ lột chiên giòn, thịt ghẹ, càng ghẹ, cua đông, ruốc sấy khô

Bảng 5: Cơ cấu doanh thu nhóm sản phẩm qua các năm của Công ty

ĐVT: triệu đồng

Cơ cấu doanh thu	Năm 2010		Năm 2011		3 tháng đầu năm 2012	
	Giá trị	%/DTT	Giá trị	%/DTT	Giá trị	%/DTT
Sản phẩm Tôm	654.173	84,17%	245.952	81,30%	23.278	57,54%
Trong nước	18.278	2,35%	6.666	2,20%	5.132	12,69%
Xuất Khẩu	635.895	81,82%	239.286	79,10%	18.146	44,85%
Sản phẩm Mục	85.666	11,02%	48.826	16,14%	14.094	34,84%



Trong nước	5.222	0,67%	2.022	0,67%	3.888	9,61%
Xuất Khẩu	80.444	10,35%	46.804	15,47%	10.206	25,23%
Sản phẩm Cá	36.850	4,75%	6.418	2,12%	0	0,00%
Trong nước	2.611	0,34%	261	0,09%		
Xuất Khẩu	34.239	4,41%	6.157	2,03%		
Sản phẩm khác	495	0,06%	1.322	0,44%	3.085	7,62%
Trong nước		0,00%		0,00%	3.085	7,62%
Xuất Khẩu	495	0,06%	1.322	0,44%		
CỘNG	777.184	100%	302.518	100%	40.457	100%

Nguồn: CADOVIMEX

Doanh thu thuần năm 2011 giảm mạnh, chỉ bằng 39% so với năm 2010, do Công ty bị khách hàng chiếm dụng vốn quá lớn, nợ quá hạn kéo dài, nguồn vốn cho thu mua nguyên liệu khó khăn cùng với giá nguyên liệu đầu vào tăng. Tình trạng thiếu nguyên liệu kéo dài, nên sản phẩm đầu ra và doanh thu của công ty giảm. Sản phẩm chính của công ty là mực, tôm. Doanh thu sản phẩm cá của công ty các năm trước đây chiếm tỷ trọng nhỏ, chủ yếu từ công ty con Cadovimex 2 mang lại. Hiện nay, sau khi CAD đã chuyển nhượng phần vốn góp ở công ty con Cadovimex2, CAD vẫn còn duy trì sản phẩm cá, nhưng vì tính chất đơn hàng về sản phẩm cá mang tính thời vụ, thường vào cuối năm, nên các tháng đầu năm 2012, CAD không có doanh thu về sản phẩm cá. Và kế hoạch của công ty đưa ra trong thời điểm khó khăn hiện nay, chủ yếu phát huy thế mạnh các sản phẩm tôm, mực.

Bảng 6: Cơ cấu sản lượng của Công ty theo thị trường xuất khẩu năm 2010 và 2011

Thị trường	Năm 2010		Năm 2011	
	Giá trị (USD)	Sản lượng (Kg)	Giá trị (USD)	Sản lượng (Kg)
Châu Âu	7.494.142	1.980.660	2.845.409	558.790
Nhật	980.764	79.920		
Mỹ	18.958.220	1.492.129	5.373.342	423.770
TT khác	12.149.089	1.586.064	5.782.400	683.487
Tổng cộng	39.582.215	5.138.773	14.001.151	1.666.047

Nguồn: CADOVIMEX

Bảng 7: Một số mặt hàng tiêu biểu của Công ty



TT	Tên mặt hàng	Mô tả chi tiết mặt hàng
MẶT HÀNG TÔM ĐÔNG BLOCK KHÔNG SỬ DỤNG HÓA CHẤT		
1	HLSO đông Block	- Nguyên liệu sử dụng : Tôm sú, tôm thẻ, tôm chì - Tôm còn vỏ, bỏ đầu - Cấp đông dạng Block, 2 kg/block x 6 block/carton
2	HOSO đông semi Block	- Nguyên liệu sử dụng : Tôm sú nguyên con - Dạng đông lạnh nguyên con - Cấp đông semi Block
3	R. PTO đông Block	- Nguyên liệu sử dụng tôm sú - Tôm bỏ đầu, lột vỏ 5 đốt, từ đốt thứ 1 đến hết đốt thứ 5, để lại đốt đuôi - Xẻ lưng 3-4 đốt từ đốt thứ 2 đến hết đốt thứ 4 hoặc 5 - Cấp đông dạng Block
4	R.PD đông Block	- Nguyên liệu sử dụng tôm sú - Tôm bỏ đầu, lột hết vỏ - Xẻ lưng 3-4 đốt từ đốt thứ 2 đến hết đốt thứ 4 hoặc 5 - Cấp đông dạng Block
MẶT HÀNG TÔM TƯƠI ĐÔNG IQF KHÔNG SỬ DỤNG HÓA CHẤT		
5	R.PTO đông IQF	- Nguyên liệu sử dụng tôm sú - Tôm bỏ đầu, lột vỏ 5 đốt từ đốt thứ 1 đến hết đốt thứ 5, để lại đốt đuôi - Xẻ lưng 3-4 đốt từ đốt thứ 2 đến hết đốt thứ 4 hoặc thứ 5 - Xử lý hoá chất STPP (sodium tripoly photphat) - Cấp đông rời dạng IQF
6	R.PD đông IQF	- Nguyên liệu sử dụng tôm sú - Tôm bỏ đầu, lột hết vỏ - Xẻ lưng 3-4 đốt từ đốt thứ 2 đến hết đốt thứ 4 hoặc 5 - Xử lý STPP (sodium tripoly photphat) - Cấp đông rời dạng IQF
7	HLSO đông IQF	- Nguyên liệu sử dụng : Tôm sú - Tôm còn vỏ, bỏ đầu - Xử lý hoá chất STPP (sodium tripoly photphat) - Cấp đông rời dạng IQF
8	R.EZP đông IQF	- Nguyên liệu sử dụng : Tôm sú - Tôm còn vỏ, bỏ đầu - Cắt vỏ 5 đốt, từ đốt thứ 1 đến hết đốt thứ 5, cắt dọc sống lưng - Xử lý hoá chất STPP (sodium tripoly photphat)



		- Cấp đông rời dạng IQF
9	R.PD xiên que đông IQF	- Nguyên liệu sử dụng : Tôm sú - Tôm bỏ đầu, lột hết vỏ - Xẻ lưng 3-4 đốt, từ đốt thứ 2 đến hết đốt thứ 4, 5 hoặc không xẻ lưng - Xử lý hoá chất STPP (sodium tripoly photphat) - Xiên que ứng với số con/que, xiên đơn hoặc xiên kép, hoặc xiên tròn - Cấp đông rời dạng IQF
MẶT HÀNG TÔM HẤP CHÍN ĐÔNG IQF SỬ DỤNG HÓA CHẤT		
10	C.PTO đông IQF	- Nguyên liệu sử dụng: Tôm sú - Tôm bỏ đầu, lột vỏ 5 đốt từ đốt thứ 1 đến hết đốt thứ 5, để lại đốt đuôi - Xẻ lưng 3-4 đốt từ đốt thứ 2 đến hết đốt thứ 4 hoặc thứ 5 - Xử lý hoá chất STPP (sodium tripoly photphat) - Hấp chín, sử dụng băng chuyền hấp - Cấp đông rời dạng IQF
11	C.PD đông IQF	- Nguyên liệu sử dụng : Tôm sú - Tôm bỏ đầu, lột hết vỏ - Xẻ lưng 3-4 đốt từ đốt thứ 2 đến hết đốt thứ 4 hoặc 5 - Xử lý STPP (sodium tripoly photphat) - Hấp chín, sử dụng băng chuyền hấp - Cấp đông rời dạng IQF
12	C.EZP đông IQF	- Nguyên liệu sử dụng : Tôm sú - Tôm còn vỏ, bỏ đầu - Cắt vỏ 5 đốt, từ đốt thứ 1 đến hết đốt thứ 5, cắt dọc sống lưng - Xử lý hoá chất STPP (sodium tripoly photphat) - Hấp chín, sử dụng băng chuyền hấp - Cấp đông rời dạng IQF
MẶT HÀNG TÔM NOBASHI, TÔM ÁO BỘT (sử dụng hóa chất và không sử dụng hóa chất)		
1	Nobashi không hóa chất	- Nguyên liệu sử dụng :Tôm sú - Tôm bỏ đầu, lột vỏ 5 đốt, từ đốt thứ 1 đến hết đốt thứ 5, để lại đốt đuôi - Xử lý đuôi: Cắt hình chữ V, bẻ kiềm, cắt 1/3 kiềm - Cắt bụng và đuôi dài theo qui cách hoặc ép nhẹ thẳng thân tôm - Xếp khay, hút chân không - Cấp đông dạng IQF



2	Nobashi co hóa chất	- Nguyên liệu sử dụng :Tôm sú - Tôm bỏ đầu, lột vỏ 5 đốt, từ đốt thứ 1 đến hết đốt thứ 5, để lại đốt đuôi - Xử lý đuôi: Cắt hình chữ V, bẻ kiềm, cắt 1/3 kiềm - Cắt bụng và duỗi dài theo qui cách hoặc ép nhẹ thẳng thân tôm - Xếp khay, hút chân không -Xử lý hóa chất STPP (sodium tripoly photphat) - Cấp đông dạng IQF
3	Tôm áo bột	- Nguyên liệu sử dụng :Tôm sú - Tôm bỏ đầu, lột vỏ 5 đốt, từ đốt thứ 1 đến hết đốt thứ 5, để lại đốt đuôi - Xử lý đuôi: Cắt hình chữ V, bẻ kiềm, cắt 1/3 kiềm - Cắt bụng và duỗi dài theo qui cách - Xử lý hóa chất STPP (sodium tripoly photphat) - Áo bột 3 lớp (bột khô, bột ướt, bột xù) - Xếp khay - Cấp đông dạng IQF
MẶT HÀNG MỰC ĐÔNG IQF, XỬ DỤNG HOÁ CHẤT		
1	Mực nang đông IQF	- Nguyên liệu sử dụng: Mực nang - Mực nang nguyên con lột da, bỏ răng, bỏ mắt, bỏ nội tạng - Xử lý hoá chất - Cấp đông dạng IQF
2	Mực nang xiên que đông IQF	- Nguyên liệu sử dụng: Mực nang - Mực nang nguyên con lột da, bỏ răng, bỏ mắt, bỏ nội tạng - Xử lý hoá chất - Xiên que ứng với số con/que - Cấp đông dạng IQF
3	Mực ống đông IQF	- Nguyên liệu sử dụng: Mực ống - Mực ống nguyên con lột da, bỏ răng, bỏ mắt, bỏ nội tạng - Xử lý hoá chất - Cấp đông dạng IQF
4	Mực ống cắt khoanh nhúng đông IQF	- Nguyên liệu sử dụng: Mực ống - Mực ống nguyên con lột da, bỏ răng, bỏ mắt, bỏ nội tạng - Xử lý hoá chất - Cắt khoanh theo qui cách - Xử dụng lò nhúng - Cấp đông dạng IQF

5	Mực tua đông IQF	- Nguyên liệu sử dụng: Mực tua - Mực tua nguyên con lột da, bỏ răng, bỏ mắt, bỏ nội tạng - Xử lý hoá chất - Cấp đông dạng IQF
MẶT HÀNG MỰC ĐÔNG BLOCK, XỬ DỤNG HOÁ CHẤT		
1	Mực nang đông Block	- Nguyên liệu sử dụng: Mực nang - Mực nang nguyên con lột da, bỏ răng, bỏ mắt, bỏ nội tạng - Xử lý hoá chất - Cấp đông dạng Block
2	Mực ống đông Block	- Nguyên liệu sử dụng: Mực ống - Mực ống nguyên con lột da, bỏ răng, bỏ mắt, bỏ nội tạng - Xử lý hoá chất - Cấp đông dạng Block
3	Mực tua đông Block	- Nguyên liệu sử dụng: Mực tua - Mực tua nguyên con lột da, bỏ răng, bỏ mắt, bỏ nội tạng - Xử lý hoá chất - Cấp đông dạng Block

Nguồn: CADOVIMEX

- Sản phẩm chính của Công ty CADOVIMEX là tôm đông IQF, tôm đông Block và sản phẩm đông khay, tôm đông IQF là tôm đông rời từng con bằng thiết bị băng chuyền cấp đông IQF, tôm đông Block là sản phẩm đông dạng khối bằng trang thiết bị tủ đông tiếp xúc.
- Sản phẩm phụ của Công ty CADOVIMEX là Cua đông IWP (đông bao gói riêng từng con), Ghẹ mảnh đông IWP, Ghẹ thịt đông semi block, Ruốc sấy khô.

Tôm sú nguyên con đông khay



Tôm chì PD đông Block

Tôm sú nguyên con đông Semi IQF



Tôm sú HLSO đông Block



Tôm sú PTO cooked đông IQF



Tôm sú HLSO raw đông IQF



Tôm sú Nobashi đông khay



Tôm sú Sushi đông khay



Tôm sú PD xiên que đông IQF



Tôm sú PTO xiên que đông IQF



Tôm sú tẩm bột đông khay



Seafoodmix



Mực ống nhúng đông IQF



Mực ống cắt khoanh IQF



Mực nang xiên que đông IQF



Mực ống tuyền đông khay



6.2 Kế hoạch phát triển kinh doanh:

Thời gian tới Công ty sẽ thực hiện một số định hướng sản xuất kinh doanh như sau:

- Tiếp tục nhận mới, đào tạo, bồi dưỡng cán bộ chủ chốt, công nhân lành nghề nhằm đủ năng lực sản xuất hàng giá trị gia tăng;
- Đổi mới công nghệ sản xuất, nâng cao chất lượng sản phẩm, đa dạng hóa các mặt hàng đáp ứng nhu cầu ngày càng khắc khe của khách hàng;
- Tăng cường xúc tiến thương mại, quảng bá sản phẩm, duy trì các thị trường truyền thống và không ngừng tìm kiếm đối tác mới, tạo uy tín bằng chất lượng sản phẩm;
- Nâng cấp nhà xưởng, mua sắm, sửa chữa máy móc thiết bị, cải tiến hệ thống quản lý nâng cao chất lượng hiệu quả công việc,...

Bảng 8: Một số chỉ tiêu về thu mua sản xuất từ năm 2012 đến năm 2014:

Chỉ Tiêu	2012	2013	2014
Chỉ tiêu mua nguyên vật liệu (tấn)	1.870	2.150	2.580



Trong đó : + Tôm	1.350	1.550	1.860
+Mực	520	600	720
+Thủy Sản Khác			
Chỉ tiêu mua thành phẩm (tấn)	1.000	1.150	1.380
Trong đó : +Tôm :	700	805	970
+Mực :	300	345	410
+Thủy sản khác:			
Chỉ tiêu chế biến thành phẩm (Tấn)	1.300	1.500	1.800
Trong đó : +Tôm :	900	1.000	1.200
+Mực :	400	500	600
+Thủy sản khác :			

Nguồn: CADOVIMEX

7. Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh

7.1 Tóm tắt một số chỉ tiêu về hoạt động sản xuất kinh doanh của công ty

Bảng 9: Kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty qua các năm

Đơn vị: Triệu đồng

Chỉ tiêu	Năm 2010	Năm 2011	%tăng/giảm 2011/2010	31/03/2012
Tổng giá trị tài sản	643.355	326.603	(49,23)	269.169
Doanh thu thuần	777.184	302.518	(61,07)	40.457
Lợi nhuận từ HĐKD	(32.612)	(325.319)	-	(25.595)
Lợi nhuận khác	236	539	128,39	420
Lợi nhuận trước thuế	(32.375)	(324.780)	-	(25.175)
Lợi nhuận sau thuế	(32.375)	(324.780)	-	(25.175)
Tỷ lệ lợi nhuận trả cổ tức (%)	0	0	6.	0

Nguồn: BCTC kiểm toán năm 2011 và BCTC Quý 1/2012 do CAD lập

Ý kiến đơn vị kiểm toán tại BCTC kiểm toán năm 2011

Đến thời điểm 31/12/2011, các khoản lỗ lũy kế của Công ty là 359.927.713.369 đồng, đã vượt quá vốn chủ sở hữu là 184.166.810.560 đồng, đồng thời Công ty còn phải có nghĩa vụ thanh toán các khoản nợ là 510.770.122.225 đồng. Điều này sẽ ảnh hưởng đến tính hoạt động liên tục của Công ty trong tương lai nếu không có sự hỗ trợ tài chính từ cổ đông, cũng như hiệu quả kinh doanh của Công ty trong những năm tiếp theo.

Những điểm cần lưu ý trên chỉ ra sự tồn tại yếu tố không chắc chắn trọng yếu có thể gây ra sự nghi ngờ đáng kể về khả năng hoạt động liên tục của Công ty.

7.2 Những nhân tố ảnh hưởng đến hoạt động sản xuất kinh doanh của công ty trong năm báo cáo.

* Các nhân tố ảnh hưởng tới doanh thu, lợi nhuận:

- Giá cả nguyên liệu: Tôm nguyên liệu chiếm 93% tổng giá thành sản phẩm, nên ảnh hưởng rất lớn đến doanh thu và lợi nhuận của Công ty. Trong năm 2010 và 2011 giá cả

nguyên liệu tăng vào mùa trái vụ từ khoảng tháng 11 đến tháng 05 của năm sau và giảm dần vào chính vụ từ khoảng tháng 06 đến tháng 10 hằng năm. Mặt khác khách hàng Trung Quốc thường sang đến tận vùng nguyên liệu để thu gom và các doanh nghiệp cùng ngành trên địa bàn cạnh tranh quyết liệt do thiếu nguyên liệu, nên giá cả biến động thất thường không theo một quy luật chung nào. Tình trạng thiếu nguyên liệu kéo dài, quản lý bơm chích tạp chất vào nguyên liệu thủy sản chưa đồng bộ, làm cho sản lượng thu mua sản xuất của Công ty đạt thấp, chi phí sản xuất cao, do đó làm cho doanh thu và lợi nhuận của Công ty giảm mạnh.

- Thị trường tiêu thụ: Năm 2010 và 2011 là 2 năm thật sự rất khó khăn đối với Công ty do ảnh hưởng của việc khủng hoảng kinh tế thế giới. Thị trường xuất khẩu chưa hoàn toàn hồi phục, thị trường Mỹ áp thuế chống bán phá giá, các thị trường Châu Âu, Nhật sử dụng các rào cản kỹ thuật gây khó khăn cho các công ty xuất khẩu. Cùng với việc sử dụng thuốc bảo vệ thực vật quá mức trong NTTS đã gây thiệt hại lớn cho người dân và ảnh hưởng đến chất lượng hàng thủy sản xuất khẩu của Việt Nam. Thị trường xuất khẩu bị thu hẹp, trong khi Công ty có doanh số chế biến xuất khẩu là chủ yếu, chiếm đến 99% doanh số, nên thị trường yếu và bị thu hẹp là khó khăn tất yếu phải gánh chịu, từ đó hoạt động sản xuất kinh doanh của công ty gặp khó khăn.

- Lãi suất ngân hàng: Lãi suất tăng cao và diễn biến bất thường, chi phí đầu vào hầu hết đều tăng. Trong lúc giá đầu ra giảm, nhiều khách hàng nước ngoài chiếm dụng vốn của công ty, thời gian chiếm dụng kéo dài, số nợ phải thu quá hạn ngày càng nhiều, công tác thu hồi nợ không đạt kết quả, thanh toán thì chậm. Công ty không đủ vốn cho thu mua nguyên liệu, không tận dụng được cơ hội tốt để kinh doanh trong thời điểm những tháng cuối năm, nhu cầu nhập khẩu của các nước tăng 10-15% để phục vụ cho thị trường dịp Noel và Tết Dương lịch.

- Thị trường chứng khoán: tiếp tục khó khăn trong năm 2010 và đầu năm 2011, việc huy động vốn theo kế hoạch đại hội đồng cổ đông năm 2011 không thực hiện được, vốn lưu động, vốn đầu tư xây dựng thiếu, vay ngân hàng ngày càng khó khăn và lãi suất cao đã làm ảnh hưởng đến kết quả sản xuất kinh doanh.

8. Vị thế của công ty so với các doanh nghiệp khác trong cùng ngành

8.1 Vị thế của công ty trong ngành:

Công ty là thành viên sáng lập của Hiệp hội Chế biến XNK Thủy sản Việt Nam (VASEP) ngày 12/06/1998, là thành viên của Phòng Thương mại và Công nghiệp Việt Nam ngày 11/07/1998. Công ty có 03 Xí nghiệp được xây dựng tại những nơi có nguồn nguyên liệu ổn định, dồi dào.

Xí nghiệp 72 và Xí nghiệp Phú Tân nằm gần 02 cửa biển như: Cửa biển Cái Đồi Vàm, cửa biển Ông Đốc có ngư trường khai thác rộng lớn, có khả năng đánh bắt quanh năm và hầu như không có bão. Nơi đây còn là địa bàn nuôi tôm trọng điểm của huyện Cái Nước, huyện Phú Tân, nguồn nguyên liệu của Xí nghiệp 72 và Xí nghiệp Phú Tân rất ổn định sản xuất được cả tôm nuôi, tôm biển, mực, bạch tuột, cá,...

Xí nghiệp Nam Long nằm trên tuyến quốc lộ 1 cách thành phố Cà Mau 40 km, là nơi giáp ranh của 3 huyện: Cái Nước, Đầm Dơi, Năm Căn nơi đây là đầu mối của giao thông thủy bộ, rất thuận tiện cho công tác vận chuyển hàng hóa, là mỏ tôm của tỉnh Cà Mau nói riêng và của cả nước nói chung. Do nuôi quảng canh, tôm thả tự nhiên, mật độ thưa nên con tôm ở khu vực này có kích cỡ lớn tập trung chủ yếu từ size 4-6, 6-8, 8-12, 13-15 con/pound, màu sắc tôm sáng bóng, vỏ cứng thịt săn chắc, cơ thịt dai, vị ngọt rất tốt cho qui trình sản xuất tôm sú nguyên con, các khách hàng Mỹ, Châu Âu, Nhật... rất ưa chuộng. Ngoài ra Công ty còn huy động tôm nguyên liệu ngoài tỉnh từ các địa bàn lân cận như Bạc Liêu, Sóc Trăng vào những tháng mùa vụ.

Vị thế 3 xí nghiệp của Công ty được xây dựng ngay vùng trọng điểm nguyên liệu của tỉnh Cà Mau cả về tôm vuông tôm biển và các loại thủy sản khác mà chưa có một xí nghiệp nào có được, đây là một thuận lợi cơ bản rõ nét nhất là một lợi thế so sánh nổi bật của Công ty so với các Công ty khác cùng ngành.



Những điểm mạnh cơ bản của Công ty như sau:

- Có thị trường tiêu thụ lớn, cân bằng và ổn định như: Thị trường Bắc Mỹ, Châu Âu, Úc, Nhật, Hàn Quốc và các nước Châu Á khác.
- Khách hàng của Công ty là những nhà nhập khẩu, phân phối lớn, năng lực tiêu thụ mạnh và có tính ổn định lâu dài.
- Công ty có 03 nhà máy hoạt động trên địa bàn có vùng nguyên liệu dồi dào vào loại bậc nhất của cả nước, vùng nuôi tôm sinh thái tự nhiên, kích cỡ tôm nguyên liệu lớn, chất lượng tôm có thành phần dinh dưỡng cao.
- Công ty có khả năng chế biến các sản phẩm tôm tinh chế cao đáp ứng được hầu hết các yêu cầu ở các thị trường lớn như Bắc Mỹ, Châu Âu, Nhật...

- Công ty có bộ phận kinh doanh mua ngoài, quan hệ nhiều nhà máy, mua đa dạng mặt hàng, đáp ứng được yêu cầu cần thiết của khách hàng.
- Đã xây dựng và thực hiện các hệ thống quản lý chất lượng quốc tế đảm bảo sản phẩm được tiêu thụ trong các hệ thống phân phối lớn.
- Cơ sở vật chất đồng bộ, trang thiết bị hiện đại, đứng vào “Top 10” doanh nghiệp lớn của ngành chế biến thủy sản đông lạnh xuất khẩu.
- Bộ máy tổ chức ổn định, ban lãnh đạo có năng lực, kinh nghiệm đồng thời đã chú trọng quy hoạch, đào tạo đội ngũ kế thừa đảm bảo hoạt động ổn định liên tục.

8.2. Triển vọng phát triển của ngành

Năm 2011, XK thủy sản của Việt Nam đã cán đích 6,1 tỷ USD, tăng 21% so với năm 2010. Dự báo năm 2012, XK thủy sản của cả nước sẽ đạt con số 6,5 tỷ USD, trong đó cá tra sẽ đem về 1,8 - 2 tỷ USD, tôm sẽ đạt 2,5 tỷ USD và XK các mặt hàng hải sản sẽ đạt mức 2 tỷ USD. Nguồn nguyên liệu tôm và cá tra có thể sẽ ổn định hơn, nhưng nguồn nguyên liệu hải sản khó có thể tăng vì những khó khăn như nguồn lợi, thời tiết và các chi phí đánh bắt (Nguồn: Báo cáo Xuất khẩu Thủy sản năm 2011 đã được VASEP phát hành ngày 3/1/2012). Xu hướng thị trường thế giới về nhu cầu thủy sản ngày càng tăng. Giá trị làm ra của Ngành Thủy sản ngày càng có tỷ trọng cao hơn trong khối nông nghiệp và trong nền kinh tế quốc dân.

Xu hướng phát triển kinh tế cao và hiện đại, nhu cầu về tiêu dùng thực phẩm thức ăn nhanh và chế biến sẵn, đông lạnh ngày một tăng và trở thành sản phẩm thiết yếu nhất là những nước có nền kinh tế phát triển như Mỹ, Nhật, Nga, các nước thuộc khối EU,... Giá trị sản lượng tiêu thụ thực phẩm từ nhập khẩu từ những nước đang phát triển với nguồn nguyên liệu dồi dào, chi phí sản xuất và nhân công thấp, giá thành phù hợp đặc biệt là thực phẩm có nguồn gốc từ thủy sản ngày càng được ưa chuộng do nhiều nguyên nhân như:

- Nguồn thủy sản tự nhiên ngày một giảm do nạn đánh bắt tràn lan, một số loài có nguy cơ tuyệt chủng.
- Thực phẩm thủy sản có hàm lượng dinh dưỡng cao, ít chất béo có lợi cho sức khỏe được người tiêu dùng ưa chuộng.

Qua 25 năm hoạt động trong cơ chế thị trường, ngành thủy sản đã từng bước trưởng thành. Dấu mốc quan trọng là năm 1986 khi chính sách đổi mới của Đảng được thực hiện trong cả nước, thị trường xuất khẩu được mở rộng và tăng trưởng với tốc độ rất nhanh. Có thể nói, thị trường xuất khẩu thủy sản đã mở đường, hướng dẫn cho quá trình chuyển đổi cơ cấu nghề trong khai thác hải sản trên biển. Thị trường xuất khẩu thủy sản là động lực kích

thích sự phát triển nuôi trồng thủy sản. Nghề nuôi trồng thủy sản đã trở thành hướng đi chính của việc chuyển đổi các vùng diện tích sản xuất nông nghiệp kém hiệu quả thành những vùng sản xuất nguyên liệu lớn phục vụ cho ngành chế biến thủy sản xuất khẩu.

Theo phê duyệt Đề án quy hoạch của Chính phủ về việc phát triển nuôi trồng thủy sản đến năm 2020 theo hướng công nghiệp hóa, hiện đại hóa, có hiệu quả, sức cạnh tranh cao và phát triển bền vững; trở thành ngành sản xuất chủ lực cung cấp nguyên liệu cho chế biến xuất khẩu và tiêu dùng trong nước, tạo nhiều việc làm, tăng thu nhập cho nông, ngư dân, đảm bảo an sinh xã hội, góp phần xóa đói giảm nghèo và bảo vệ an ninh quốc phòng vùng biển, đảo của Tổ quốc.

Bộ Nông nghiệp & Phát triển Nông thôn phê duyệt quy hoạch phát triển thủy sản toàn quốc đến năm 2020 sản lượng chế biến xuất khẩu đạt 2 triệu tấn, giá trị xuất khẩu 10 tỷ USD/năm. Sản lượng thủy sản chế biến tiêu thụ nội địa 950.000 tấn. Tổng công suất chế biến thủy sản quy mô công nghiệp đạt hơn 2,1 triệu tấn sản phẩm/năm. Tổng vốn đầu tư phát triển chế biến thủy sản toàn giai đoạn 2011-2020 gần 24.550 tỷ đồng.

Dự báo, ngành thủy sản Việt Nam sẽ đạt được những chỉ tiêu trên do các nhà quản lý và sản xuất đã nhận thức được nhu cầu cấp thiết phải phát triển bền vững để tiến tới hội nhập, đáp ứng các yêu cầu của xu hướng thương mại hóa toàn cầu. Dự báo, trong giai đoạn tới, xuất khẩu thủy sản Việt Nam sẽ có mặt tại 119 thị trường nhưng vẫn tập trung vào 20 thị trường chính.

Sự kiện Việt Nam gia nhập WTO và Mỹ bình thường quan hệ với Việt Nam khiến thị trường Mỹ đã trở nên dễ dàng hơn cho hàng thủy sản Việt Nam thâm nhập sâu vào thị trường này và cũng như những thị trường khác trên thế giới.

Do dịch bệnh gia cầm, gia súc xảy ra thường xuyên trên toàn thế giới, khuynh hướng người tiêu dùng hạn chế ăn thịt gia cầm, gia súc và tăng khẩu phần ăn mặt hàng thủy sản có chất dinh dưỡng cao, ít chất béo có lợi cho sức khỏe.

Với mục tiêu nêu trên, có thể thấy tốc độ phát triển trong hoạt động xuất khẩu thủy sản là rất lớn, hứa hẹn nhiều cơ hội cho các doanh nghiệp chế biến thủy sản vươn lên theo hướng mở rộng thị trường và gia tăng năng lực sản xuất.

8.3 Đánh giá sự phù hợp định hướng phát triển của công ty với định hướng của ngành, chính sách của Nhà nước và xu thế chung trên thế giới:

Công ty được xây dựng trong vùng nguyên liệu trọng điểm của tỉnh Cà Mau cả về tôm nuôi, tôm biển và các loài thủy, hải sản khác mà chưa có một nhà máy nào có được. Đây là

một thuận lợi cơ bản rõ nét nhất, là một lợi thế so sánh nổi bật của Công ty so với các công ty cùng ngành khác.

Nhận thức được xu hướng phát triển của ngành Thủy sản, và nhu cầu tiêu thụ mặt hàng thủy sản của thị trường trong và ngoài nước ngày càng gia tăng, nên mặc dù khó khăn trước mắt, Công ty vẫn cố gắng duy trì và ổn định sản xuất. Đặt mục tiêu chất lượng sản phẩm lên hàng đầu để không đánh mất thương hiệu trên thị trường. Đồng thời Công ty có đội ngũ cán bộ công nhân viên lành nghề và có kinh nghiệm sản xuất kinh doanh mặt hàng thủy sản lâu năm; Công ty có 03 nhà máy chế biến với công nghệ máy móc thiết bị hiện đại có khả năng chế biến các sản phẩm tinh chế cao đáp ứng được hầu hết các yêu cầu ở các thị trường lớn như Bắc Mỹ, Châu Âu, Nhật, Hàn Quốc,...

9. Chính sách đối với người lao động

Tổng số cán bộ công nhân viên của Công ty đến 31/03/2012 là: 593 người.

Bảng 10: Số lượng người lao động trong công ty

Trình độ	Số lượng (người)	Chiếm tỷ lệ %
Đại học và trên đại học	27	4,55%
Cao đẳng và trung cấp	99	16,70%
Công nhân lành nghề	467	78,75%
Tổng	593	100,00%

Nguồn: CADOVIMEX

Chính sách đào tạo, lương thưởng, trợ cấp

➤ Chế độ làm việc

Công ty cổ phần chế biến xuất nhập khẩu thủy sản Cadovimex thực hiện nghiêm chỉnh Bộ Luật Lao động của Việt Nam, triển khai cụ thể đến toàn bộ công nhân viên. Công ty thực hiện đúng và đầy đủ các chế độ bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, chế độ ốm đau, thai sản,... theo quy định của nhà nước đối với toàn bộ cán bộ công nhân viên. Công ty cũng đã thành lập trạm xá tại mỗi xí nghiệp sản xuất để giải quyết khám chữa bệnh kịp thời cho công nhân viên. Ngoài ra công ty còn tổ chức khám sức khỏe định kỳ mỗi năm 01 lần cho toàn bộ cán bộ công nhân viên.

Công ty luôn làm tốt công tác bảo hộ lao động, trang bị đầy đủ bảo hộ lao động, thực hiện nghiêm các quy định về bảo hộ lao động và các quy chế an toàn lao động. Công ty có

hệ thống nước sạch phục vụ sinh hoạt, vệ sinh một cách đầy đủ và an toàn cho cán bộ công nhân viên.

Công ty thực hiện chế độ làm việc 6 ngày/tuần, thời gian làm việc 44 giờ/tuần đối với lao động gián tiếp và 48 giờ/tuần đối với lao động trực tiếp. Tuy nhiên do đặc thù của ngành thủy sản là sản xuất theo mùa vụ nên vào con nước mùa vụ làm việc hơn 8 giờ/ngày, vào những ngày ngoài con nước làm việc ít hơn 8 giờ/ngày nhưng vẫn đảm bảo 48 giờ/tuần, đảm bảo cung cấp bữa ăn giữa ca. Hàng năm cán bộ công nhân viên được tổ chức đi tham quan du lịch, nghỉ mát.

➤ *Chính sách tuyển dụng đào tạo*

Quy trình tuyển dụng của công ty: bắt nguồn từ nhu cầu của các bộ phận, trưởng các bộ phận đề nghị tuyển dụng nhân sự gởi nội dung yêu cầu về phòng tổ chức thực hiện chức năng tuyển dụng. Công ty rất xem trọng chính sách tuyển dụng, chọn người có năng lực trình độ, ngày càng nâng tỷ lệ cán bộ quản lý, khoa học kỹ thuật trong công ty.

Hàng năm Công ty thực hiện đào tạo bồi dưỡng nâng cao trình độ mọi mặt cho cán bộ công nhân viên. Công ty tổ chức học tập và thi tay nghề hàng năm cho công nhân trực tiếp sản xuất để nhận xét nâng bậc tay nghề và nâng bậc lương.

➤ *Chính sách lương thưởng, trợ cấp*

Công ty trả lương dựa trên đơn giá tiền lương do Công ty xây dựng, trên cơ sở tham khảo mặt bằng lương các đơn vị cùng ngành trong địa bàn, Công ty cũng hoàn tất việc xây dựng đơn giá lương cho từng công đoạn, thực hiện trả lương khoán sản phẩm theo sản lượng sản xuất.

Các khoản phúc lợi được trích để xây nhà tập thể cho công nhân nghỉ ngơi, ngoài ra Công ty còn xây nhà ăn phục vụ cho công nhân 02 bữa chính và 01 bữa ca 3 trong những ngày tăng ca.

10. Chính sách cổ tức

Căn cứ theo điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty đã được Đại hội Cổ đông thông qua, chính sách phân phối lợi nhuận và cổ tức cho cổ đông của Công ty được quy định như sau:

- Công ty sẽ chi trả cổ tức cho cổ đông khi Công ty kinh doanh có lãi.
- Cổ tức sẽ được công bố và chi trả từ lợi nhuận giữ lại của Công ty nhưng không được vượt quá mức do Hội đồng quản trị đề xuất sau khi đã tham khảo ý kiến cổ đông tại Đại hội đồng cổ đông.
- Năm 2010 và 2011 không chia cổ tức do Công ty thua lỗ.

11. Tình hình hoạt động tài chính

11.1. Các chỉ tiêu cơ bản

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 dương lịch hàng năm. Công ty hoạch toán theo đúng luật kế toán hiện hành, sử dụng hệ thống kế toán Việt Nam.

➤ **Trích khấu hao TSCĐ**

Tài sản cố định được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian sử dụng ước tính của tài sản hữu dụng là thời gian mà tài sản phát huy được tác dụng cho sản xuất kinh doanh.

Thời gian hữu dụng ước tính của các TSCĐ như sau:

Nhóm TSCĐ	Thời gian khấu hao ước tính
Nhà cửa, vật kiến trúc	10 – 50 năm
Máy móc, thiết bị	05 – 20 năm
Phương tiện vận chuyển, thiết bị truyền dẫn	08 – 15 năm
Tài sản cố định khác	06 – 12 năm
Phần mềm máy vi tính	10 năm

➤ **Mức lương bình quân**

Các bộ phận của công ty hưởng lương theo quy chế khoán sản phẩm hiện hành của Công ty. Mức thu nhập bình quân của Công ty tại thời điểm 31/12/2011 là 2.335.000 đồng/người/tháng.

➤ **Thanh toán các khoản nợ đến hạn**

Công ty đang khó khăn trong việc thanh toán đầy đủ và đúng hạn các khoản nợ và các khoản vay của tổ chức tín dụng, tổ chức khác và cá nhân.

➤ **Các khoản phải nộp theo Luật định**

Công ty thực hiện thanh toán các khoản thuế theo các quy định của Nhà nước.

➤ **Trích lập các quỹ theo luật định**

Số dư các quỹ tại thời điểm 31/12/2010, 31/12/2011, 31/3/2012 như sau:

Các quỹ	31/12/2010	31/12/2011	31/3/2012
Quỹ đầu tư phát triển	0	0	0

Quỹ dự phòng tài chính	5.725.112.844	5.725.112.844	5.725.112.844
Quỹ khen thưởng, phúc lợi	137.018.274	0	0
Tổng	5.862.131.118	5.725.112.844	5.725.112.844

Nguồn: BCTC đã kiểm toán năm 2011 và BCTC Quý 1/2012 CAD lập

➤ **Tổng dư nợ vay ngân hàng**

Bảng 12: Dư nợ vay ngân hàng từ năm 2010 đến 31/03/2012

Nội dung	31/12/2010	31/12/2011	31/03/2012
VAY VÀ NỢ NGẮN HẠN (1)	441.292.118.429	438.920.806.519	410.486.987.936
Vay ngắn hạn ngân hàng	440.428.118.429	438.056.806.519	410.486.987.936
Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển Nông thôn – Cà Mau	84.738.742.500	55.045.118.495	58.750.451.190
Ngân hàng Thương mại cổ phần ngoại thương - Cà Mau	92.393.083.921	102.434.075.155	73.660.458.577
Ngân hàng Sacombank – Cà Mau	9.491.175.000	6.343.784.155	6.320.784.155
Ngân hàng Đầu tư và phát triển Cà Mau	100.259.217.008	99.073.832.370	99.073.832.370
Ngân hàng phát triển khu vực Minh Hải	129.830.000.000	125.030.000.000	123.102.082.444
Ngân hàng Thương mại cổ phần Quân Đội	23.715.900.000	50.129.996.344	49.579.379.200
Nợ dài hạn đến hạn trả Ngân hàng TMCP Ngoại Thương - Cà Mau	864.000.000	864.000.000	648.000.000
VAY VÀ NỢ DÀI HẠN (2)	1.556.000.000	692.000.000	692.000.000
Ngân hàng TMCP Ngoại Thương - Cà Mau	1.556.000.000	692.000.000	692.000.000
TỔNG (1)+ (2)	442.848.118.429	439.612.806.519	411.826.987.936

Nguồn: BCTC đã kiểm toán năm 2011 và BCTC Quý 1/2012 CAD lập

Các khoản dư nợ vay ngân hàng chủ yếu là vay ngắn hạn, phục vụ cho nhu cầu vốn lưu động để mua nguyên liệu, các khoản vay dài hạn được sử dụng để tài trợ xây dựng các hạng mục đầu tư dài hạn. Hiện tại Công ty khó khăn trong thanh toán nợ đến hạn. Nguyên nhân chủ yếu: Các khoản nợ từ khách hàng công ty chưa thu hồi được, hàng tồn kho chưa thanh lý được và lỗ lũy kế của các năm trước đây.

➤ **Tình hình công nợ hiện nay**

Bảng 13: Nợ phải thu, phải trả của công ty

Khoản mục	31/12/2010	31/12/2011	31/03/2012
NỢ PHẢI THU	223.886.454.699	179.956.131.084	156.668.231.929

Phải thu ngắn hạn	109.430.356.389	73.504.838.913	52.083.640.107
Phải thu khách hàng	71.286.716.717	53.833.513.870	33.684.004.913
Trả trước cho người bán	11.746.984.150	10.587.654.367	11.724.902.757
Các khoản phải thu khác	26.396.655.522	9.083.670.676	6.674.732.437
Phải thu dài hạn	114.456.098.310	106.451.292.171	104.584.591.822
Phải thu dài hạn của khách hàng	157.910.609.306	170.236.277.577	168.369.577.228
Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	-43.454.510.996	-63.784.985.406	-63.784.985.406
NỢ PHẢI TRẢ	499.751.577.936	510.770.122.225	477.834.940.662
Nợ ngắn hạn	495.430.722.813	508.038.765.476	475.208.113.313
Vay và nợ ngắn hạn	441.292.118.429	438.920.806.519	411.134.987.936
Phải trả cho người bán	28.995.953.078	21.837.126.264	5.620.904.933
Người mua trả tiền trước	3.587.333.370	1.853.651.608	1.330.919.356
Phải trả người lao động	2.513.619.751	2.177.663.902	1.073.085.447
Chi phí phải trả	645.247.141	468.266.438	96.976.881
Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	18.259.432.770	42.781.250.745	55.951.238.760
Quỹ khen thưởng phúc lợi	137.018.274	-	
Nợ dài hạn	4.320.855.123	2.731.356.749	2.626.827.349

Nguồn: BCTC đã kiểm toán năm 2011 và BCTC Quý 1/2012 CAD lập

Tính đến thời điểm 31/12/2011, theo số liệu báo cáo tài chính năm 2011 đã được kiểm toán, nợ ngắn hạn của công ty lớn hơn tài sản ngắn hạn là 344.138.565.555 đồng.

Tổng số khoản phải thu dài hạn đến 31/12/2011 là 170.236.277.577 đồng. Trong đó, khoản phải thu của khách hàng nước ngoài là 169.950.541.261 đồng, thì khoản nợ của Công ty South China Sea Food là 105.076.329.549 đồng là khoản phải thu đang có sự tranh chấp giữa Cadovimex với Công ty South China Sea Food, do đó Công ty tiến hành trích lập dự phòng cho khoản phải thu này là 52.538.164.774 đồng trong tổng số dự phòng được trích lập là 63.784.985.406 đồng.

Số trích lập dự phòng 52.538.164.774 đồng nói trên, đã được Ban tổng giám đốc công ty đánh giá một cách cẩn trọng và tin tưởng rằng Công ty chắc chắn thu hồi được khoản nợ này trong tương lai, dựa vào kết quả thắng kiện và các thông tin pháp lý Công ty đã nhận được, cụ thể như sau:

- Theo kết quả của Trung tâm trọng tài Quốc Tế VN phán quyết: Công ty South China Sea Food phải trả cho CAD 4.996.259,31USD tương đương 105.076.329.549 đồng.
- CAD đã nhận được công văn thi hành án của Cục thi hành án dân sự Bạc Liêu về việc xử lý tài sản của Công ty South China Sea Food đầu tư tại Công ty Duyên Hải Bạc Liêu. Theo kết quả thẩm định giá tài sản của Công ty Duyên Hải Bạc Liêu thì tổng giá trị

được thẩm định giá là 27.511.162.000 đồng. Cục thi hành án dân sự Bạc Liêu sẽ phối hợp với các cơ quan chức năng xử lý và thanh toán lại cho Công ty.

Ngoài ra, đối với các khoản nợ dài hạn khác, công ty đang tích cực thu hồi.

11.2. Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu

Bảng 14: Chỉ tiêu tài chính

Các chỉ tiêu	ĐVT	2010	2011
1. Chỉ tiêu về khả năng thanh toán			
- Hệ số thanh toán ngắn hạn	Lần	0,85	0,32
- Hệ số thanh toán nhanh	Lần	0,29	0,21
2. Chỉ tiêu về cơ cấu vốn			
- Nợ phải trả/Tổng nguồn vốn	Lần	0,78	1,56
- Nợ phải trả/Vốn chủ sở hữu	Lần	3,48	-
3. Chỉ tiêu về năng lực hoạt động			
- Vòng quay hàng tồn kho	Lần	2,21	3,00
- Doanh thu thuần/Tổng tài sản	Lần	1,21	0,93
4. Chỉ tiêu về khả năng sinh lời			
- Hệ số LNST/Doanh thu thuần	%	-	-
- Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu bq	%	-	-
- Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản bq	%	-	-
- Hệ số Lợi nhuận từ HĐKD/Doanh thu thuần	%	-	-

Nguồn: Báo cáo tài chính kiểm toán năm 2011

Ghi chú: Lợi nhuận sau thuế năm 2010, 2011 và Vốn chủ sở hữu năm 2011 của Công ty âm nên không tính các chỉ tiêu sinh lời năm 2010, 2011 và chỉ tiêu Nợ phải trả/VCSH năm 2011

12. Lý lịch của Hội đồng quản trị, Ban Giám đốc, Ban kiểm soát, Kế toán trưởng

12.1. Hội đồng quản trị:

* **Họ và tên:** Ngô Văn Phăng

- Giới tính: Nam

- Năm sinh: 15/12/1968

- Giấy CMND: 381283189 Ngày cấp 22/11/2002

Nơi cấp Công an Cà Mau

-
- Nơi sinh: Xã Lương Thế Trân, huyện Cái Nước, tỉnh Cà Mau
 - Quốc tịch: Việt Nam
 - Dân tộc: Kinh
 - Địa chỉ thường trú: Xã Lương Thế Trân, huyện Cái Nước, tỉnh Cà Mau
 - Trình độ văn hóa: 12/12
 - Trình độ chuyên môn: Đại học luật.
 - Quá trình công tác:
 - + Trước năm 1994: sống ở gia đình và đi học
 - + Từ năm 1995 đến 2004: Công tác tại Sở Thương mại – Du lịch tỉnh Cà Mau
 - + Từ 2005 đến nay: Làm việc tại các công ty sau: Công ty Cổ phần Thực phẩm Đại Dương; Công ty Thương mại Dịch vụ & XNK Huỳnh Hương; Công ty Cổ phần Thực phẩm Thủy sản Cà Mau (FFC)
 - Chức vụ hiện nay: Chủ tịch Hội đồng Quản trị
 - Hành vi vi phạm pháp luật: Không
 - Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích Công ty: Không
 - Số cổ phần nắm giữ (đến thời điểm 18/07/2012): 1.000.000 cổ phần, chiếm tỷ lệ: 4,8% tổng vốn cổ phần
 - + Cá nhân: 1.000.000 cổ phần, chiếm tỷ lệ: 4,8% tổng vốn cổ phần
 - + Đại diện: không có cổ phần.
 - Những người có liên quan (nắm giữ cổ phiếu của Công ty, nếu có)
 - + Tỷ lệ nắm giữ: %
 - Các khoản nợ đối với Công ty: Không
 - Lợi ích liên quan đến Công ty: Không
- * Bà Trần Ngọc Tươi**
- Giới tính: Nữ
 - Năm sinh: 1971
-

-
- Nơi sinh: Rạch Giá, tỉnh Kiên Giang
 - CMND số: 022556409 cấp ngày 10/03/2004, nơi cấp: Công an Tp.HCM
 - Quốc tịch: Việt Nam
 - Dân tộc: Kinh
 - Địa chỉ thường trú: 2Y, đường Hưng Phú, phường 9, quận 8, Tp.HCM
 - Trình độ văn hóa: 12/12
 - Trình độ chuyên môn: Đại học kế toán
 - Quá trình công tác:
 - + Trước năm 1990: Đi học
 - + Từ 1990 đến 1995: Trưởng phòng KCS, Xí nghiệp Đông lạnh Thủy sản 8
 - + Từ 1995 đến 2000: Phòng Kinh doanh, Xí nghiệp Đông lạnh Thủy sản 1
 - + Từ 2001 đến nay: Giám đốc, Công ty TNHH Vĩnh Thuận
 - Chức vụ hiện nay: Phó Chủ tịch HĐQT, Công ty Cổ phần Chế biến &

XNK Thủy sản Cadovimex

- Hành vi vi phạm pháp luật: Không có
- Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích Công ty: Không có
- Số cổ phần nắm giữ: 209.679 cổ phần, chiếm tỷ lệ 1,01% tổng vốn cổ phần
- + Cá nhân: 209.679 cổ phần, chiếm tỷ lệ 1,01% tổng vốn cổ phần
- + Đại diện: Không có cổ phần.
- Những người có liên quan
- + Tỷ lệ nắm giữ: 0%
- Các khoản nợ đối với Công ty: Không có
- Lợi ích liên quan đến Công ty: Không có

*** Ông Trần Hoàng Giang**

- Giới tính: Nam
 - Năm sinh: 1967
 - Nơi sinh: Long Thành, huyện Vĩnh lợi, tỉnh Bạc Liêu
 - CMND số: 380717179 cấp ngày 27/12/2000, nơi cấp: Công an CM
 - Quốc tịch: Việt Nam
 - Dân tộc: Kinh
 - Địa chỉ thường trú: Phường 5, Tp. Cà Mau, tỉnh Cà Mau
 - Trình độ văn hóa: 12/12
-



-
- Trình độ chuyên môn: Đại học hàng hải, đại học Quản trị kinh doanh
 - Quá trình công tác:
 - + Từ 05/1991 đến 02/1998: Kế toán Văn phòng Cà Mau, Công ty Kinh doanh XNK Thủy sản Cái Đôi Vàm
 - + Từ 03/1998 đến 02/2002: Trưởng Văn phòng Cà Mau, Công ty Kinh doanh XNK Thủy sản Cái Đôi Vàm
 - + Từ 03/2002 đến 09/2002: Phó phòng Kinh doanh, Công ty Kinh doanh XNK Thủy sản Cái Đôi Vàm
 - + Từ 09/2002 đến 05/2003: Trưởng phòng Kinh doanh, Công ty Kinh doanh XNK Thủy sản Cái Đôi Vàm
 - + Từ 05/2003 đến 01/2005: Phó phòng Thu mua, Công ty Kinh doanh XNK Thủy sản Cái Đôi Vàm
 - + Từ 02/2005 đến 05/2010: Trưởng Ban kiểm soát, Công ty Cổ phần Chế biến & XNK Thủy sản Cadovimex
 - + Từ 05/2010 đến nay: Phó chủ tịch HĐQT, Công ty Cổ phần Chế biến & XNK Thủy sản Cadovimex
 - Chức vụ hiện nay: Phó chủ tịch HĐQT kiêm Tổng Giám đốc, Công ty Cổ phần Chế biến & XNK Thủy sản Cadovimex
 - Hành vi vi phạm pháp luật: Không có
 - Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích Công ty: Không có
 - Số cổ phần nắm giữ: 35.504 cổ phần, chiếm tỷ lệ 0,17% tổng vốn cổ phần
 - + Cá nhân: 35.504 cổ phần, chiếm tỷ lệ 0,17% tổng vốn cổ phần
 - + Đại diện: Không có cổ phần.
 - Những người có liên quan
 - + Tỷ lệ nắm giữ: 0%
 - Các khoản nợ đối với Công ty: Không có
 - Lợi ích liên quan đến Công ty: Không có

*** Ông Huỳnh Koc Hải**

- Giới tính: Nam
 - Năm sinh: 1947
 - Nơi sinh: Rạch Giá, tỉnh Kiên Giang
 - CMND số: E1011830 cấp ngày 15/04/2004, nơi cấp: Melbourne
-



- Quốc tịch: Australia

- Dân tộc: Kinh

- Địa chỉ thường trú: 18 Dan Tum Gve – Braybrook Vic 3019, Australia

- Trình độ văn hóa: 12/12

- Trình độ chuyên môn: Không

- Quá trình công tác: Từ 1990 đến nay là Giám đốc điều hành Công ty SEA HARVEST IMPORT & EXPORT P/L.

24 HUGHES ST YARRAVILLE VIC, 3013

P.O. BOX 6319, FOOTSCRAY WEST 3012

- Chức vụ hiện nay: Thành viên HĐQT, Công ty Cổ phần Chế biến & XNK Thủy sản Cadovimex

- Hành vi vi phạm pháp luật: Không có

- Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích Công ty: Không có

- Số cổ phần nắm giữ (đến thời điểm 18/07/2012): 1.535.917 cổ phần, chiếm tỷ lệ 7,38% tổng vốn cổ phần

+ Cá nhân: 1.535.917 cổ phần, chiếm tỷ lệ 7,38% tổng vốn cổ phần

+ Đại diện: Không có cổ phần.

- Những người có liên quan Tỷ lệ nắm giữ: 0%

- Các khoản nợ đối với Công ty: Không có

- Lợi ích liên quan đến Công ty: Không có

*** Ông Huỳnh Văn Long**

- Giới tính: Nam

- Năm sinh: 1953

- Nơi sinh: Trà Vinh, tỉnh Trà Vinh

- CMND số: 020481836 cấp ngày 30/08/1993, nơi cấp: Công an Tp.HCM

- Quốc tịch: Việt Nam

- Dân tộc: Kinh

- Địa chỉ thường trú: 144, Nguyễn Văn Cừ, phường Nguyễn Cư Trinh, quận 1, Tp.HCM

- Trình độ văn hóa: 12/12

- Trình độ chuyên môn: Cao đẳng Cơ điện lạnh

- Quá trình công tác:

-
- + Từ 1971 đến 1973: Học nghề điện lạnh, 105 Trần Quang Diệu, quận 3, Tp.HCM
- + Từ 1973 đến 1975: Kỹ thuật điện lạnh, 493 Cách Mạng Tháng Tám, quận 3, Tp.HCM
- + Từ 1975 đến 1993: Kỹ thuật điện lạnh, Liên hợp Điện lạnh 87, Công Quỳnh, quận 1, Tp.HCM
- + Từ 1993 đến nay: Giám đốc, Công ty Điện lạnh Sài Gòn
- Chức vụ hiện nay: Thành viên HĐQT, Công ty Cổ phần Chế biến & XNK Thủy sản Cadovimex
- Hành vi vi phạm pháp luật: Không có
 - Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích Công ty: Không có
 - Số cổ phần nắm giữ: 155.160 cổ phần, chiếm tỷ lệ 0,75% tổng vốn cổ phần
 - + Cá nhân: 155.160 cổ phần, chiếm tỷ lệ 0,75% tổng vốn cổ phần
 - + Đại diện: Không
 - Những người có liên quan
 - + Tỷ lệ nắm giữ: 0%
 - Các khoản nợ đối với Công ty: Không có
 - Lợi ích liên quan đến Công ty: Không có
- * Ông Trần Hậu Lĩnh**
- Giới tính: Nam
 - Năm sinh: 1973
 - Nơi sinh: Xã Thạch Hưng, Tp. Hà Tĩnh, tỉnh Hà Tĩnh
 - CMND số: 012898844 cấp ngày 18/08/2006, nơi cấp: Công an Tp. Hà Nội
 - Quốc tịch: Việt Nam
 - Dân tộc: Kinh
 - Địa chỉ thường trú: P102 B10 Tập thể Nam Thành Công, Láng Hạ, Đống Đa, Hà Nội
 - Trình độ văn hóa: 12/12
 - Trình độ chuyên môn: Đại học Giao thông vận tải
 - Quá trình công tác:
 - + Từ 12/1992 đến 05/2005: Tu nghiệp tại Cộng hòa Liên bang Nga
-



+ Từ 05/2005 đến 2009: Phó chủ tịch HĐQT, Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng và Phát triển Hạ tầng Tân ốc đảo. Địa chỉ: xã Bình Thuận, huyện Bình Sơn, tỉnh Quảng Ngãi

+ Từ 03/2010 đến nay: Chủ tịch HĐQT, Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng và Phát triển Hồng Lam. Địa chỉ: Phường Láng Hạ, quận Đống Đa, Hà Nội

- Chức vụ hiện nay: Thành viên HĐQT, Công ty Cổ phần Chế biến & XNK Thủy sản Cadovimex

- Hành vi vi phạm pháp luật: Không có

- Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích Công ty: Không có

- Số cổ phần nắm giữ: 88.008 cổ phần, chiếm tỷ lệ 0,42% tổng vốn cổ phần

+ Cá nhân: 88.008 cổ phần, chiếm tỷ lệ 0,42% tổng vốn cổ phần

+ Đại diện: Không có cổ phần.

- Những người có liên quan

+ Tỷ lệ nắm giữ: 0%

- Các khoản nợ đối với Công ty: Không có

- Lợi ích liên quan đến Công ty: Không có

*** Ông Mai Quốc Hà**

- Giới tính: Nam

- Năm sinh: 1952

- Nơi sinh: Hà Nam

- CMND số: 025009473 cấp ngày 11/08/2008, nơi cấp: Công an Tp.HCM

- Quốc tịch: Việt Nam

- Dân tộc: Kinh

- Địa chỉ thường trú: 49/8 Nghĩa Hòa, phường 6, quận Tân Bình, Tp.HCM

- Trình độ văn hóa: 12/12

- Trình độ chuyên môn: Đại học thủy sản

- Quá trình công tác:

+ Từ nhỏ đến 1977: Học phổ thông

+ Từ 1978 đến 1982: Học Đại học

+ Từ 1983 đến nay: Làm kinh doanh (Mua bán thủy sản, chứng khoán, bất động sản)

- Chức vụ hiện nay: Thành viên Hội đồng Quản trị CAD

- Hành vi vi phạm pháp luật: Không có
- Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích Công ty: Không có
- Số cổ phần nắm giữ: 280.660 cổ phần, chiếm tỷ lệ 1,34% tổng vốn cổ phần
- + Cá nhân: 280.660 cổ phần, chiếm tỷ lệ 1,34% tổng vốn cổ phần
- + Đại diện: Không có cổ phần.
- Những người có liên quan (nắm giữ cổ phiếu của Công ty, nếu có)
- + Em ruột: Vũ Thị Cộng Hòa nắm giữ: 356.140 cổ phần, chiếm
- + Tỷ lệ nắm giữ: 1,7% tổng số vốn cổ phần.
- Các khoản nợ đối với Công ty: Không có
- Lợi ích liên quan đến Công ty: Không có

12.2. Ban Giám đốc:

* Ông Trần Hoàng Giang

Chức vụ hiện nay: Phó chủ tịch HĐQT kiêm Tổng giám đốc
(Xem phần HĐQT trên)

* Ông Dương Ngọc Thới

- Giới tính: Nam
- Năm sinh: 1976
- Nơi sinh: Khóm 8, phường 7, Tp. Cà Mau tỉnh Cà Mau
- CMND số: 380803463 cấp ngày 16/05/2003, nơi cấp: Công an Cà Mau
- Quốc tịch: Việt Nam
- Dân tộc: Kinh
- Địa chỉ thường trú: Khóm 8, phường 7, Tp. Cà Mau tỉnh Cà Mau
- Trình độ văn hóa: 12/12
- Trình độ chuyên môn: Cử nhân Kinh tế
- Quá trình công tác:
- + Từ 1996 đến 2004: Cán bộ Sở Tài chính tỉnh Cà Mau
- + Từ 2004 đến 2007: Chuyên viên Tổng hợp, Sở Tài chính tỉnh Cà Mau
- + Từ 2007 đến 07/2008: Phó phòng Kinh tế - Kế hoạch, Công ty Cổ phần Chế biến & XNK Thủy sản Cadovimex
- + Từ 07/2008 đến nay: Kế toán trưởng, Công ty Cổ phần Chế biến & XNK Thủy sản Cadovimex

- Chức vụ hiện nay: Phó Tổng Giám đốc kiêm Kế toán trưởng, Công ty Cổ phần Chế biến & XNK Thủy sản Cadovimex

- Hành vi vi phạm pháp luật: Không có

- Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích Công ty: Không có

- Số cổ phần nắm giữ: 30.100 cổ phần, chiếm tỷ lệ 0,14% tổng vốn cổ phần

+ Cá nhân: 30.100 cổ phần, chiếm tỷ lệ 0,14% tổng vốn cổ phần

+ Đại diện: Không có cổ phần.

- Những người có liên quan

+ Tỷ lệ nắm giữ: 0%

- Các khoản nợ đối với Công ty: Không có

- Lợi ích liên quan đến Công ty: Không có

*** Ông Nguyễn Ngọc Thành**

- Giới tính: Nam

- Năm sinh: 1965

- Nơi sinh: Nhơn Mỹ, Bình Định

- CMND số: 300968516 cấp ngày 22/11/1996, nơi cấp: Công an tỉnh Long An

- Quốc tịch: Việt Nam

- Dân tộc: Kinh

- Địa chỉ thường trú: 88/20/13, đường Trần Văn Quang, phường 10, quận Tân Bình, Tp.HCM

- Trình độ văn hóa: 12/12

- Trình độ chuyên môn: Đại học Bách khoa

- Quá trình công tác:

+ Từ 02/2003 đến 06/2003: Nhân viên bán hàng, Công ty Kinh doanh XNK Thủy sản Cái Đôi Vàm

+ Từ 07/2003 đến 01/2005: Phó giám đốc Chi nhánh Tp.HCM, Công ty Kinh doanh XNK Thủy sản Cái Đôi Vàm

+ Từ 02/2005 đến 08/2008: Phó giám đốc Chi nhánh Tp.HCM, Công ty Cổ phần Chế biến & XNK Thủy sản Cadovimex

+ Từ 08/2008 đến nay: Giám đốc Chi nhánh Tp.HCM, Công ty Cổ phần Chế biến & XNK Thủy sản Cadovimex

-
- Chức vụ hiện nay: Phó Tổng giám đốc phụ trách Kinh doanh Kiểm Giám đốc Chi nhánh Tp.HCM, Công ty Cổ phần Chế biến & XNK Thủy sản Cadovimex
 - Hành vi vi phạm pháp luật: Không có
 - Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích Công ty: Không có
 - Số cổ phần nắm giữ: 3.548 cổ phần, chiếm tỷ lệ 0,02% tổng vốn cổ phần
 - + Cá nhân: 3.548 cổ phần, chiếm tỷ lệ 0,02% tổng vốn cổ phần
 - + Đại diện: Không có cổ phần.
 - Những người có liên quan (nắm giữ cổ phiếu của Công ty, nếu có)
 - + Tỷ lệ nắm giữ: 0%
 - Các khoản nợ đối với Công ty: Không có
 - Lợi ích liên quan đến Công ty: Không có

*** Ông Đặng Văn Suôi**

- Giới tính: Nam
 - Năm sinh: 1958
 - Nơi sinh: Xã Phú Hưng, huyện Cái Nước, tỉnh Cà Mau
 - CMND số: 380016447 cấp ngày 15/11/2011, nơi cấp: Công an Cà Mau
 - Quốc tịch: Việt Nam
 - Dân tộc: Kinh
 - Địa chỉ thường trú: Xã Trần Thới, huyện Cái Nước, tỉnh Cà Mau
 - Trình độ văn hóa: 12/12
 - Trình độ chuyên môn: Đại học Cơ khí tàu thuyền
 - Quá trình công tác:
 - + Từ 1991 đến 1996: Phó phòng Kỹ thuật, Công ty Kinh doanh XNK Thủy sản Cái Đôi Vàm
 - + Từ 1997 đến 1999: Quản đốc Phân xưởng Chế biến Công ty Kinh doanh XNK Thủy sản Cái Đôi Vàm
 - + Từ 1999 đến 2002: Trưởng ban Quản lý Công trình Xây dựng, Công ty Kinh doanh XNK Thủy sản Cái Đôi Vàm
 - + Từ 2002 đến 01/2003: Phó giám đốc Xí nghiệp Chế biến Thủy sản Xuất khẩu Nam Long, Công ty Kinh doanh XNK Thủy sản Cái Đôi Vàm
 - + Từ 01/2003 đến nay: Giám đốc, Xí nghiệp Chế biến Thủy sản Xuất khẩu Nam Long, Công ty Cổ phần Chế biến & XNK Thủy sản Cadovimex
-

- Chức vụ hiện nay: Phó Tổng giám đốc kiêm Giám đốc, Xí nghiệp Chế biến Thủy sản Xuất khẩu Nam Long, Công ty Cổ phần Chế biến & XNK Thủy sản Cadovimex

- Hành vi vi phạm pháp luật: Không có
- Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích Công ty: Không có
- Số cổ phần nắm giữ: 0 cổ phần
- + Cá nhân: 0 cổ phần
- + Đại diện: Không có cổ phần.
- Những người có liên quan
- + Tỷ lệ nắm giữ: 0%
- Các khoản nợ đối với Công ty: Không có
- Lợi ích liên quan đến Công ty: Không có

12.3. Ban Kiểm soát:

* Ông Đỗ Văn Cải

- Giới tính: Nam
- Năm sinh: 1973
- Nơi sinh: Xã Tân Hưng Tây, huyện Phú Tân, tỉnh Cà Mau
- CMND số: 381748720 cấp ngày 13/05/2011, nơi cấp: Công an Cà Mau
- Quốc tịch: Việt Nam
- Dân tộc: Kinh
- Địa chỉ thường trú: Khóm 7, thị trấn Cái Đôi Vàm, huyện Phú Tân, tỉnh Cà Mau
- Trình độ văn hóa: 12/12
- Trình độ chuyên môn: Đại học Kế toán
- Quá trình công tác:
 - + Từ 11/1995 đến 04/1998: Kế toán, Chi Cục Thuế huyện Cái Nước, tỉnh Cà Mau
 - + Từ 04/1998 đến 02/2009: Kế toán, phòng Kinh tế - Kế hoạch, Công ty Kinh doanh XNK Thủy sản Cái Đôi Vàm. Nay là Công ty Cổ phần Chế biến & XNK Thủy sản Cadovimex
 - + Từ 03/2009 đến 06/2010: Phó phòng Kinh tế - Kế hoạch, Công ty Cổ phần Chế biến & XNK Thủy sản Cadovimex

+ Từ 06/2010 đến nay: Trưởng Ban kiểm soát, Công ty Cổ phần Chế biến & XNK Thủy sản Cadovimex

- Chức vụ hiện nay: Trưởng Ban kiểm soát, Công ty Cổ phần Chế biến & XNK Thủy sản Cadovimex

- Hành vi vi phạm pháp luật: Không có

- Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích Công ty: Không có

- Số cổ phần nắm giữ: 0 cổ phần

+ Cá nhân: 0 cổ phần

+ Đại diện: Không có cổ phần.

- Những người có liên quan

+ Tỷ lệ nắm giữ: 0%

- Các khoản nợ đối với Công ty: Không có

- Lợi ích liên quan đến Công ty: Không có

*** Ông Nguyễn Việt Khái**

- Giới tính: Nam

- Năm sinh: 1982

- Nơi sinh: Thới Bình, tỉnh Cà Mau

- CMND số: 381119592 cấp ngày 21/11/2002, nơi cấp: Công an Cà Mau

- Quốc tịch: Việt Nam

- Dân tộc: Kinh

- Địa chỉ thường trú: Xã Hồ Thị Kỷ, huyện Thới Bình, tỉnh Cà Mau

- Trình độ văn hóa: 12/12

- Trình độ chuyên môn: Trung cấp Kế toán

- Quá trình công tác:

+ Trước năm 2000: Đi học

+ Từ 2/2000 đến 3/2004: Chi Cục thuế huyện Trần Văn Thời, tỉnh Cà Mau

+ Từ 4/2004 đến 9/2009: Kế toán Văn Phòng Cà Mau, Công ty Cổ phần Chế biến & XNK Thủy sản Cadovimex

+ Từ 01/2010 đến 02/2011: Phó phòng Kinh tế - Kế hoạch Công ty Cổ phần Chế biến & XNK Thủy sản Cadovimex

+ Từ 02/2011 đến nay: Trưởng Văn phòng Cà Mau, Công ty Cổ phần Chế biến & XNK Thủy sản Cadovimex.

- Chức vụ hiện nay: Thành viên Ban Kiểm soát, Trưởng Văn phòng Cà Mau, Công ty Cổ phần Chế biến & XNK Thủy sản Cadovimex

- Hành vi vi phạm pháp luật: Không có
- Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích Công ty: Không có
- Số cổ phần nắm giữ: 0 cổ phần
- + Cá nhân: 0 cổ phần
- + Đại diện: Không có cổ phần.
- Những người có liên quan
- + Tỷ lệ nắm giữ: 0%
- Các khoản nợ đối với Công ty: Không có
- Lợi ích liên quan đến Công ty: Không có

*** Ông Châu Long**

- Giới tính: Nam
- Năm sinh: 1966
- Nơi sinh: Phú Tân, tỉnh Cà Mau
- CMND số: 380707970 cấp ngày 27/06/2009, nơi cấp Công an Cà Mau.
- Quốc tịch: Việt Nam
- Dân tộc: Kinh
- Địa chỉ thường trú: Khóm 8, phường 8, Tp. Cà Mau, tỉnh Cà Mau
- Trình độ văn hóa: 12/12
- Trình độ chuyên môn: Trung cấp Kế toán
- Quá trình công tác:
 - + Từ 03/1983 đến 04/1986: Kế toán Phân xưởng đá Công ty Kinh doanh XNK Thủy sản Cái Đôi Vàm
 - + Từ 05/1986 đến 08/1989: Kế toán vật tư Công ty Kinh doanh XNK Thủy sản Cái Đôi Vàm
 - + Từ 09/1989 đến 05/1991: Cán bộ thu mua Công ty Kinh doanh XNK Thủy sản Cái Đôi Vàm
 - + Từ 06/1991 đến 09/1998: Phó phòng Tổ chức – Hành chính Công ty Kinh doanh XNK Thủy sản Cái Đôi Vàm
 - + Từ 10/1998 đến 07/2000: Tổ trưởng Thống kê Công ty Kinh doanh XNK Thủy sản Cái Đôi Vàm

+ Từ 08/2000 đến 10/2003: Phó phòng Thu mua Công ty Kinh doanh XNK Thủy sản Cái Đôi Vàm

+ Từ 11/2003 đến 01/2005: Phó phòng Kinh tế - Kế hoạch Công ty Kinh doanh XNK Thủy sản Cái Đôi Vàm

+ Từ 02/2005 đến nay: Thành viên Ban Kiểm soát, Trưởng phòng Kế toán – Thống kê Xí nghiệp Chế biến Thủy sản Xuất khẩu Nam Long, Công ty Cổ phần Chế biến & XNK Thủy sản Cadovimex

- Chức vụ hiện nay: Thành viên Ban Kiểm soát, Trưởng phòng Kế toán – Thống kê Xí nghiệp Chế biến Thủy sản Xuất khẩu Nam Long, Công ty Cổ phần Chế biến & XNK Thủy sản Cadovimex

- Hành vi vi phạm pháp luật: Không có

- Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích Công ty: Không có

- Số cổ phần nắm giữ: 0 cổ phần

+ Cá nhân: 0 cổ phần

+ Đại diện: Không có cổ phần.

- Những người có liên quan

+ Tỷ lệ nắm giữ: 0%

- Các khoản nợ đối với Công ty: Không có

- Lợi ích liên quan đến Công ty: Không có

12.4. Kế toán trưởng:

* Ông Dương Ngọc Thới

- Chức vụ hiện nay: Phó Tổng Giám đốc phụ trách tài chính kiêm Kế toán trưởng

(Xem phần Ban giám đốc trên)

1. Tài sản chủ yếu

Diện tích đất đai, diện tích trụ sở Công ty đang quản, sử dụng:

Tổng diện tích đất đang quản lý, sử dụng: 93.732 m², trong đó:

- | | |
|-----------------------|-----------------------|
| ➤ Diện tích đất thuê | 93.732 m ² |
| ➤ Diện tích nhà xưởng | 8.963 m ² |
| ➤ Diện tích kho tàng | 2.102m ² |
| ➤ Diện tích bến bãi | 1.528m ² |



➤	Diện tích nhà công nhân	81.139m ²
---	-------------------------	----------------------

Bảng 15: Tài sản cố định đang sử dụng của Công ty tại thời điểm 31/12/2011

TT	Tên tài sản	Nguyên giá	Giá trị còn lại 31/12/2011
1	Nhà cửa, vật kiến trúc	37.739.585.938	18.941.763.921
2	Máy móc thiết bị	63.400.679.011	27.569.710.018
3	Phương tiện vận tải	5.062.212.734	2.902.830.200
4	Thiết bị quản lý	10.475.935.899	4.084.856.317
	Tổng cộng	116.678.413.582	53.499.160.456

Nguồn: BCTC kiểm toán năm 2011

Bảng 16: Tài sản cố định đang sử dụng của Công ty tại thời điểm 31/03/2012

TT	Tên tài sản	Nguyên giá	Giá trị còn lại 31/03/2012
1	Nhà cửa, vật kiến trúc	37.739.585.938	18.920.854.632
2	Máy móc thiết bị	63.749.041.391	27.956.998.340
3	Phương tiện vận tải	4.892.546.126	2.850.371.459
4	Thiết bị quản lý	9.995.935.899	4.080.996.144
	Tổng cộng	116.207.109.354	53.809.220.575

Nguồn: BCTC Quý I/2012, CAD lập

2. Kế hoạch sản xuất kinh doanh, lợi nhuận và cổ tức trong năm tiếp theo

Bảng 16: Kế hoạch sản xuất kinh doanh, lợi nhuận 2012 – 2013

Đơn vị tính: tỉ đồng

Chỉ tiêu	Năm 2012	% tăng giảm 2012/2011
Vốn điều lệ	208	136,36%
Doanh thu thuần	293	-3,14%
Lợi nhuận sau thuế	9,7	-
Tỷ lệ lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần	3,31	-
Tỷ lệ lợi nhuận sau thuế/Vốn điều lệ	4,66	-

Cổ tức	-	-
--------	---	---

Nguồn: Nghị quyết ĐHĐCĐ thường niên ngày 4/6/2012

Ghi chú: Không tính tỷ lệ % tăng, giảm LNST kế hoạch năm 2012 với LNST thực hiện năm 2011 do LNST thực hiện năm 2011 âm.

Kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2012 trên đã được ĐHĐCĐ thông qua theo nghị quyết ĐHĐCĐ ngày 04/06/2012. Trong năm 2012, ban điều hành công ty không chia cổ tức vì khoản lỗ lũy kế của công ty các năm trước tồn đọng. Ban điều hành CAD cố gắng duy trì sản xuất kinh doanh đi vào ổn định, thu hồi các khoản nợ phải thu dài hạn bị khách hàng chiếm dụng, đưa công ty dần vượt qua khó khăn.

Kết quả kinh doanh của Quý 1/2012 công ty lỗ 25 tỷ đồng làm khoản mục lợi nhuận chưa phân phối tại ngày 31/3/2012 tiếp tục âm cao hơn. Do đó, khả năng đạt được kết quả lợi nhuận 9,7 tỷ như kế hoạch trong năm 2012, trong thời điểm khó khăn hiện nay của công ty là không thể đạt được

Hội đồng Quản trị - Ban Giám đốc Công ty tập trung chỉ đạo thực hiện theo các nhóm giải pháp như sau:

- Cơ cấu lại bộ máy tổ chức, sắp xếp lại nhân sự cho phù hợp, đảm bảo được cho yêu cầu sản xuất kinh doanh hiện nay;
- Thỏa thuận điều chỉnh lịch thanh toán với các Ngân hàng;
- Tập trung thu hồi nợ, thu hồi vốn cho sản xuất kinh doanh. Đặc biệt là thu hồi nợ Công ty South China Seafood
- Xem xét cân nhắc chọn đối tác, thời điểm và mức giá bán Xí nghiệp Nam Long hoặc Xí nghiệp F72 khi các phương án huy động vốn, thu hồi vốn không thực hiện được hoặc đã thực hiện nhưng công ty chưa thoát khỏi khó khăn.
- Lập phương án sản xuất kinh doanh từng năm phù hợp với tình hình thực tế, triển khai tổ chức thực hiện phải có chiến lược dài hạn có sách lược cụ thể, thiết lập mối quan hệ chặt chẽ giữa 3 nhiệm vụ: huy động nguồn nguyên liệu, chế biến thành phẩm và tiêu thụ sản phẩm, thường xuyên đánh giá tình hình thực hiện nhận định tình hình chung của tỉnh, trong nước và quốc tế để điều hành Công ty hợp lý, hiệu quả.
- Khảo sát và nắm chặt tình hình biến động nguồn nguyên liệu, trong tỉnh ngoài tỉnh, tôm quảng canh, tôm công nghiệp mở rộng hệ thống nhà cung cấp nhằm khắc phục sự ảnh hưởng của nhà cung cấp có tỷ trọng lớn, huy động kịp thời theo yêu cầu về chất lượng, số lượng, cơ cấu đảm bảo hàng hóa xuất khẩu đúng thời gian.

Các định hướng quan trọng trong năm 2012:

-
- Lập kế hoạch sửa chữa, nâng cấp, xây dựng mua sắm mới trình HĐQT phê duyệt để tổ chức thực hiện, trong thực hiện phải hết sức quan tâm tính hiệu quả .
 - Sản xuất một số mặt hàng có giá trị cao như: Tôm tẩm bột, hàng ăn nhanh, Nobashi, Sushi,... chào bán vào thị trường Nhật và có kế hoạch mở rộng thị trường từng thời điểm cụ thể, đào tạo, nâng cao đội ngũ cán bộ bán hàng.
 - Do thuế suất giảm chỉ còn **1.03** % nên tận dụng ưu thế để đẩy mạnh xuất khẩu vào thị trường Mỹ .
 - Chấn chỉnh hệ thống quản lý chất lượng theo đúng quy trình, quy phạm HACCAP, ISO, BRC, ACC... triển khai đầy đủ cho cán bộ quản lý, cập nhật thông tin về chất lượng, quy định của các nước nhập khẩu để kịp thời điều chỉnh. Đồng thời đẩy mạnh công tác đào tạo nâng cao tay nghề cho công nhân trực tiếp sản xuất.
 - Lập kế hoạch cụ thể trong công tác khảo sát nguyên liệu, phương thức huy động nguyên liệu đảm bảo cho sản xuất về số lượng về chất lượng và về cơ cấu.
 - Bố trí, sắp xếp một số cán bộ quản lý phù hợp, phát huy khả năng chuyên môn của cán bộ.
 - Điều chỉnh hệ thống định mức sát thực tế thông qua cân, đong, đo, đếm làm cơ sở cho việc xây dựng kế hoạch giá thành.
 - Tạo mỹ quan nhà xưởng, nhà làm việc để gây ấn tượng cho khách hàng và các cơ quan hữu quan.
 - Thực hiện công bố thông tin đúng và đủ theo luật định.

3. Thông tin về những cam kết nhưng chưa thực hiện của tổ chức đăng giao dịch

Không có

4. Các thông tin, các tranh chấp kiện tụng liên quan tới Công ty mà có thể ảnh hưởng đến giá cả chứng khoán giao dịch: không

V. CHỨNG KHOÁN ĐĂNG KÝ GIAO DỊCH

1. Loại chứng khoán: Cổ phiếu phổ thông

2. Mệnh giá cổ phần: 10.000 đồng/cổ phần

3. Tổng số chứng khoán đã phát hành: 20.799.927 cổ phần

4. Tổng số chứng khoán đăng ký giao dịch: 8.799.927 cổ phần

5. Phương pháp tính giá :

5.1 Phương pháp giá trị sổ sách:

Giá trị sổ sách một cổ phần của Công ty được tính theo công thức sau:

$$\text{Giá trị sổ sách} = \frac{\text{Vốn chủ sở hữu}}{\text{Số cổ phiếu đang lưu hành}}$$

Giá trị sổ sách của CAD tại thời điểm 31/12/2010, 31/12/2011 và 31/03/2012 như sau:

TT	Chỉ tiêu	Giá trị tại ngày 31/12/2010	Giá trị tại ngày 31/12/2011	Giá trị tại ngày 31/03/2012
1	Vốn chủ sở hữu (đồng)	143.603.192.536	(184.166.810.560)	(208.666.331.734)
2	Số lượng cổ phần đang lưu hành	8.799.927	8.799.927	8.799.927
3	Giá trị sổ sách của một cổ phần (Đồng/CP)	16.319	-20.928	-23.712

Nguồn: BCTC kiểm toán năm 2011 và BCTC Quý 1/2012 do công ty CAD tự lập.

5.2. Phương pháp bình quân giá đóng cửa 10 phiên giao dịch cuối cùng trước khi cổ phiếu CAD bị hủy niêm yết tại sàn HSX, cụ thể như sau:

Ngày	Giá đóng cửa (đồng/cổ phiếu)
1/6/2012	1.100
31/05/2012	1.100
30/05/2012	1.000
29/05/2012	900
28/05/2012	800
25/05/2012	700
24/05/2012	700
23/05/2012	700
22/05/2012	700

21/05/2012	700
Giá bình quân	840

Nguồn: Kết quả giao dịch chứng khoán của CAD tại HSX từ ngày 21/05/2012 đến 01/06/2012

5.3. Giá bán cổ phiếu cho cổ đông chiến lược ngày 29/6/2012

Theo Báo cáo kết quả phát hành riêng lẻ gửi UBCKNN, giá bán cổ phiếu cho cổ đông chiến lược ngày 29/6/2012 là: **1.500 đồng/cổ phiếu**.

6. Phương pháp tính giá tham chiếu:

Phương pháp tính giá tham chiếu của cổ phiếu CAD trong ngày giao dịch đầu tiên được Công ty lựa chọn là phương pháp bình quân có trọng số của phương pháp 5.2, 5.3 (nêu trên), cụ thể như sau:

TT	Phương pháp tính giá	Giá	Số cổ phiếu tính trong từng phương pháp	Tỷ trọng	Kết quả
		(1)	(2)	(3)	(4)= (3)*(1)
1	Phương pháp 5.2	840	8.799.927	60%	504
2	Phương pháp 5.3	1.500	12.000.000	40%	600
3					1.104

Căn cứ kết quả tính giá trên, Công ty đề xuất giá tham chiếu trong ngày giao dịch đầu tiên của cổ phiếu CAD tại thị trường UPCoM là 1.100 đồng/cổ phiếu.

7. Giới hạn tỷ lệ nắm giữ cổ phần đối với nhà đầu tư nước ngoài:

Tỷ lệ nắm giữ của nhà đầu tư nước ngoài đến thời điểm 30/03/2012 là: 1,51%

Căn cứ theo Quyết định 55/2009/QĐ-TTg ngày 15/4/2009 của Thủ tướng Chính phủ, thì nhà đầu tư nước ngoài mua, bán chứng khoán trên thị trường chứng khoán Việt Nam được nắm giữ tối đa 49% tổng số cổ phiếu của công ty cổ phần đại chúng

8. Các loại thuế liên quan:

Đối với công ty

- Thuế giá trị gia tăng

Công ty nộp thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ. Thuế suất thuế giá trị gia tăng 10% cho tất cả các sản phẩm dịch vụ.

- Thuế thu nhập doanh nghiệp

Công ty được giảm 50% thuế phải nộp trong 8 năm, từ 2008 -2015. Thuế TNDN hằng năm bằng 15 % thu nhập chịu thuế, trong vòng 11 năm, kể từ 2005 và bằng mức thuế suất thuế TNDN hiện hành cho các năm tiếp theo

- Các loại thuế khác

Các loại thuế khác, Công ty kê khai và nộp theo quy định hiện hành của Nhà nước

Đối với nhà đầu tư

- Thuế thu nhập cá nhân

Theo quy định tại Thông tư số 84/2008/TT-BTC ngày 30/09/2009 của Bộ Tài chính Hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Thuế thu nhập cá nhân và hướng dẫn thi hành Nghị định số 100/2008/NĐ-CP ngày 08/09/2008 của Chính phủ quy định và hướng dẫn thi hành điều của Luật Thuế thu nhập cá nhân, thì thu nhập từ đầu tư vốn, bao gồm cổ tức bằng tiền hoặc cổ phiếu), chuyển nhượng vốn, thu nhập từ thừa kế chứng khoán, nhận quà tặng là chứng khoán của nhà đầu tư cá nhân là các thu nhập thuộc diện chịu thuế TNCN.

- Thuế thu nhập doanh nghiệp

Thông tư 130/2008/TT-BTC của Bộ Tài chính hướng dẫn thi hành một số điều của Luật thuế thu nhập doanh nghiệp số 14/2008/QH12 và Nghị định số 124/2008/NĐ-CP ngày 11/12/2008 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật thuế thu nhập doanh nghiệp quy định thu nhập từ chuyển nhượng vốn và chuyển nhượng chứng khoán là nhưng thu nhập thuộc diện chịu thuế thu nhập doanh nghiệp.



VI. CÁC ĐỐI TÁC LIÊN QUAN TỚI VIỆC ĐĂNG KÝ GIAO DỊCH

1. Tổ chức kiểm toán

Công ty Kiểm Toán và Dịch vụ Tin học (AISC)

Địa chỉ: 142 Nguyễn Thị Minh Khai, Quận 1, Tp. Hồ Chí Minh

Điện thoại: (848) 3930.5163 Fax: (848) 930.4281

2. Tổ chức cam kết hỗ trợ

Công ty cổ phần chứng khoán Navibank

Trụ sở: Tầng 6 tháp A, tòa nhà Handi Resco 521 Kim Mã, Ba Đình, Hà Nội

Chi nhánh: 16 Trương Định, Quận 3, Tp.HCM

Điện thoại: (84.8) 3930 1409 Fax: (84.8) 39302201



PHỤ LỤC

1. Phụ lục 1 Bản sao hợp lệ Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh
2. Phụ lục 2 Điều lệ Công ty
3. Phụ lục 3 Báo cáo tài chính đã kiểm toán năm 2011, BCTC Quý 1/2012.

Tp. Hồ Chí Minh, ngày tháng năm 2012

**ĐẠI DIỆN CÔNG TY CP CHẾ BIẾN & XUẤT NHẬP KHẨU THỦY SẢN
CADOVIMEX
Chủ tịch HĐQT**

NGÔ VĂN PHẪNG

Tổng giám đốc

Trưởng Ban kiểm soát

Kế toán trưởng

TRẦN HOÀNG GIANG

ĐỖ VĂN CẢI

DƯƠNG NGỌC THỜI

**ĐẠI DIỆN TỔ CHỨC TƯ VẤN
CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN NAVIBANK
Giám đốc chi nhánh**

TRƯƠNG HẢI HÙNG



ĐẠI DIỆN TỔ CHỨC TƯ VẤN
CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN NAVIBANK
(Được ủy quyền bởi Tổng giám đốc NVS)

TRẦN TIẾN THÀNH